



CÔNG TY TNHH DÂY CÁP ĐIỆN VAN XUÂN
CÔNG TY TNHH DÂY CÁP ĐIỆN VAN XUÂN - CÔNG TY TNHH DÂY CÁP ĐIỆN

VAN XUAN

Dây Cáp Điện

VAN XUAN WIRE AND CABLE

ANGUST STAR

VALXUCO

TIẾN PHONG

EE HAN SUN



www.vanxuanwire.com.vn



Overview

We give attention and focus on providing a strong & stable of high-quality and reliable products and services to our customers. We operate in many different markets, and have a strong reputation for providing high-quality products and services to our customers.

We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services.

We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services.

Our products

We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services.

We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services.

We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services. We provide a wide range of products and services to our customers, including high-quality and reliable products and services.



www.hanviet.com.vn



Thủy điện dân dụng	11 - 16
Cáp điện lực nội động	17 - 18
Cáp điện lực nội nhậm	20 - 22
Cáp điện kế thườn	24
Cáp thông tin thườn	25 - 26
Cáp điện thườn	27 - 28
Cáp điện áp	30 - 32
Cáp điện nhậm	40 - 44
Thủy điện dân dụng	45 - 46

Building wire	11 - 16
Power cable, copper-conductor	17 - 18
Power cable, aluminum-conductor	20 - 22
Shutter cables	24
Signal/communication cables	25 - 26
Control cables	27 - 28
Fire resistant cables	29 - 32
Welding cables	40 - 44
Current ratings	45 - 46









Thư mời chào mua hàng và mua hàng
Hàng hóa công nghiệp và dân dụng



THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÁNH CHỮNG MUA

THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

TH

CÔNG TY TNHH CÁP VÀ CÁP ĐIỆN TÂN THUAN

Địa chỉ: 100/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 0903 123 456

CÔNG TY TNHH CÁP VÀ CÁP ĐIỆN TÂN THUAN

THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM



THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM



Tan Thuan

THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ



CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

CỘNG HÒA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KHOA CÔNG NGHỆ



THÔNG BÁO THÔNG TIN CÔNG TY

Thông tin công ty và các chỉ số cơ bản



THANH TRUNG TRAM

CÔNG TY TNHH CÁP VÀ DÂY THẠNH

Công ty TNHH Cáp và Dây Thanh (TTC) là một công ty chuyên sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cáp và dây điện có nguồn gốc từ các nhà sản xuất hàng đầu của Việt Nam.

Thông tin công ty và các chỉ số cơ bản

THANH TRUNG TRAM
THANH TRUNG TRAM

001

CÔNG TY TNHH CÁP VÀ DÂY THẠNH

Địa chỉ: 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 0909 123 456

THANH TRUNG TRAM 30/10/2023 10:00:00



Thông tin công ty và các chỉ số cơ bản

THANH TRUNG TRAM 30/10/2023 10:00:00
THANH TRUNG TRAM 30/10/2023 10:00:00
THANH TRUNG TRAM 30/10/2023 10:00:00

THANH TRUNG TRAM

THANH TRUNG TRAM

THANH TRUNG TRAM

THANH TRUNG TRAM 30/10/2023 10:00:00

THANH TRUNG TRAM

THANH TRAM



THANH TRUNG TRAM

THANH TRUNG TRAM 30/10/2023 10:00:00



THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM



THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ VIỆT NAM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ VIỆT NAM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM



THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

THÔNG TIN CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM



© 2005 The Authors
Journal compilation © 2005 Blackwell Publishing Ltd



Notes on contributors

Keywords: *Self-esteem; self-worth; self-concept; self-identity*

[illegible]

100

© 2004 by The McGraw-Hill Companies, Inc.

Abstract



THE UNIVERSITY OF CHICAGO



1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

Figure 1

Table 1



1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26





Thị trấn Tân Xuân, xã Tân Xuân, huyện Tân Xuân, tỉnh Bình Thuận

Website: www.vanxuan.vn



0903 999 999

CHUYÊN CHĂM SÓC

THI CÔNG: Lắp đặt điện dân dụng, điện công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải

THI CÔNG:

CÔNG TY ĐIỆN VÀ CẤP ĐIỆN VẠN XUÂN

Địa chỉ: Thị trấn Tân Xuân, huyện Tân Xuân, tỉnh Bình Thuận

Website: www.vanxuan.vn

Số điện thoại: 0903 999 999



THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện truyền tải

THI CÔNG: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng



Điện Vạn Xuân

0903 999 999



CABLES FOR COMMUNICATIONS CABLES FOR COAXIAL C - Co/PVC

電纜線 PVC (communication cable flexible wire) Co/PVC

*We adhere to strict, Applied standards (TOSHIMA-8 (JIS-5007-2))

for data Communication



outer diameter (mm)
(φ outer diameter)

inner diameter
(mm)

TYPE AND SPECIFICATION	outer diameter (mm)		inner diameter (mm)	outer diameter (mm)	inner diameter (mm)	outer diameter (mm)
TYPE AND SPECIFICATION	outer diameter (mm)	inner diameter (mm)	outer diameter (mm)	inner diameter (mm)	outer diameter (mm)	inner diameter (mm)
Co/PVC						
Co/PVC	1.0	0.8	0.8	0.8	0.8	0.8
Co/PVC	1.2	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
Co/PVC	1.5	1.2	1.2	1.2	1.2	1.2
Co/PVC	2.0	1.6	1.6	1.6	1.6	1.6
Co/PVC	2.5	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0
Co/PVC	3.0	2.4	2.4	2.4	2.4	2.4
Co/PVC	3.5	2.8	2.8	2.8	2.8	2.8
Co/PVC	4.0	3.2	3.2	3.2	3.2	3.2
Co/PVC	4.5	3.6	3.6	3.6	3.6	3.6
Co/PVC	5.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0
Co/PVC	5.5	4.4	4.4	4.4	4.4	4.4
Co/PVC	6.0	4.8	4.8	4.8	4.8	4.8
Co/PVC	6.5	5.2	5.2	5.2	5.2	5.2
Co/PVC	7.0	5.6	5.6	5.6	5.6	5.6
Co/PVC	7.5	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0
Co/PVC	8.0	6.4	6.4	6.4	6.4	6.4
Co/PVC	8.5	6.8	6.8	6.8	6.8	6.8
Co/PVC	9.0	7.2	7.2	7.2	7.2	7.2
Co/PVC	9.5	7.6	7.6	7.6	7.6	7.6
Co/PVC	10.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0
Co/PVC	10.5	8.4	8.4	8.4	8.4	8.4
Co/PVC	11.0	8.8	8.8	8.8	8.8	8.8
Co/PVC	11.5	9.2	9.2	9.2	9.2	9.2
Co/PVC	12.0	9.6	9.6	9.6	9.6	9.6
Co/PVC	12.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Co/PVC	13.0	10.4	10.4	10.4	10.4	10.4
Co/PVC	13.5	10.8	10.8	10.8	10.8	10.8
Co/PVC	14.0	11.2	11.2	11.2	11.2	11.2
Co/PVC	14.5	11.6	11.6	11.6	11.6	11.6
Co/PVC	15.0	12.0	12.0	12.0	12.0	12.0

*Please refer to the applicable standards for the applicable standards for the applicable standards.

*Please refer to the applicable standards for the applicable standards for the applicable standards.

*Please refer to the applicable standards for the applicable standards for the applicable standards.

*Please refer to the applicable standards for the applicable standards for the applicable standards.



© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

Year and episode identifier	Stage identifier (Season/Episode)		Bookings identifier	Booking period (days)	Rate per night (€)	Days of stay (nights)
Year and episode identifier	Stage identifier (Season/Episode)	Bookings identifier	Booking period (days)	Rate per night (€)	Days of stay (nights)	
2023-01	2023-01	2023-01	2023-01	2023-01	2023-01	2023-01
2023-02	2023-02	2023-02	2023-02	2023-02	2023-02	2023-02
2023-03	2023-03	2023-03	2023-03	2023-03	2023-03	2023-03
2023-04	2023-04	2023-04	2023-04	2023-04	2023-04	2023-04
2023-05	2023-05	2023-05	2023-05	2023-05	2023-05	2023-05
2023-06	2023-06	2023-06	2023-06	2023-06	2023-06	2023-06
2023-07	2023-07	2023-07	2023-07	2023-07	2023-07	2023-07
2023-08	2023-08	2023-08	2023-08	2023-08	2023-08	2023-08
2023-09	2023-09	2023-09	2023-09	2023-09	2023-09	2023-09
2023-10	2023-10	2023-10	2023-10	2023-10	2023-10	2023-10
2023-11	2023-11	2023-11	2023-11	2023-11	2023-11	2023-11
2023-12	2023-12	2023-12	2023-12	2023-12	2023-12	2023-12
2024-01	2024-01	2024-01	2024-01	2024-01	2024-01	2024-01
2024-02	2024-02	2024-02	2024-02	2024-02	2024-02	2024-02
2024-03	2024-03	2024-03	2024-03	2024-03	2024-03	2024-03
2024-04	2024-04	2024-04	2024-04	2024-04	2024-04	2024-04
2024-05	2024-05	2024-05	2024-05	2024-05	2024-05	2024-05
2024-06	2024-06	2024-06	2024-06	2024-06	2024-06	2024-06
2024-07	2024-07	2024-07	2024-07	2024-07	2024-07	2024-07
2024-08	2024-08	2024-08	2024-08	2024-08	2024-08	2024-08
2024-09	2024-09	2024-09	2024-09	2024-09	2024-09	2024-09
2024-10	2024-10	2024-10	2024-10	2024-10	2024-10	2024-10
2024-11	2024-11	2024-11	2024-11	2024-11	2024-11	2024-11
2024-12	2024-12	2024-12	2024-12	2024-12	2024-12	2024-12
2025-01	2025-01	2025-01	2025-01	2025-01	2025-01	2025-01

.....



© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 111–118

100



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 101–108

100



100



Category	Metric A (Value 1)		Metric B (Value 2)		Metric C (Value 3)		Overall Score
Sub-Category	Value 1.1	Value 1.2	Value 2.1	Value 2.2	Value 3.1	Value 3.2	Score
Category 1	10	20	30	40	50	60	70
Category 2	15	25	35	45	55	65	75
Category 3	20	30	40	50	60	70	80
Category 4	25	35	45	55	65	75	85
Category 5	30	40	50	60	70	80	90
Category 6	35	45	55	65	75	85	95
Category 7	40	50	60	70	80	90	100
Category 8	45	55	65	75	85	95	105
Category 9	50	60	70	80	90	100	110
Category 10	55	65	75	85	95	105	115
Category 11	60	70	80	90	100	110	120
Category 12	65	75	85	95	105	115	125
Category 13	70	80	90	100	110	120	130
Category 14	75	85	95	105	115	125	135
Category 15	80	90	100	110	120	130	140

1. The first row of the matrix is the vector $\mathbf{1}$ (all ones).
 2. The second row of the matrix is the vector $\mathbf{2}$ (all twos).
 3. The third row of the matrix is the vector $\mathbf{3}$ (all threes).
 4. The fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{4}$ (all fours).
 5. The fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{5}$ (all fives).
 6. The sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{6}$ (all sixes).
 7. The seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{7}$ (all sevens).
 8. The eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{8}$ (all eights).
 9. The ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{9}$ (all nines).
 10. The tenth row of the matrix is the vector $\mathbf{10}$ (all tens).
 11. The eleventh row of the matrix is the vector $\mathbf{11}$ (all elevens).
 12. The twelfth row of the matrix is the vector $\mathbf{12}$ (all twelves).
 13. The thirteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{13}$ (all thirteens).
 14. The fourteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{14}$ (all fourteens).
 15. The fifteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{15}$ (all fifteens).
 16. The sixteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{16}$ (all sixteens).
 17. The seventeenth row of the matrix is the vector $\mathbf{17}$ (all seventeens).
 18. The eighteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{18}$ (all eighTEENS).
 19. The nineteenth row of the matrix is the vector $\mathbf{19}$ (all nineteENS).
 20. The twentieth row of the matrix is the vector $\mathbf{20}$ (all twENTYs).
 21. The twenty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{21}$ (all twENTY-ONES).
 22. The twenty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{22}$ (all twENTY-TWOs).
 23. The twenty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{23}$ (all twENTY-THREEs).
 24. The twenty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{24}$ (all twENTY-FOURs).
 25. The twenty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{25}$ (all twENTY-FIVEs).
 26. The twenty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{26}$ (all twENTY-SIXs).
 27. The twenty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{27}$ (all twENTY-SEVENs).
 28. The twenty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{28}$ (all twENTY-EIGHTs).
 29. The twenty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{29}$ (all twENTY-NINEs).
 30. The thirtieth row of the matrix is the vector $\mathbf{30}$ (all thIRTYs).
 31. The thirty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{31}$ (all thIRTY-ONES).
 32. The thirty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{32}$ (all thIRTY-TWOs).
 33. The thirty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{33}$ (all thIRTY-THREEs).
 34. The thirty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{34}$ (all thIRTY-FOURs).
 35. The thirty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{35}$ (all thIRTY-FIVEs).
 36. The thirty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{36}$ (all thIRTY-SIXs).
 37. The thirty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{37}$ (all thIRTY-SEVENs).
 38. The thirty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{38}$ (all thIRTY-EIGHTs).
 39. The thirty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{39}$ (all thIRTY-NINEs).
 40. The fortieth row of the matrix is the vector $\mathbf{40}$ (all foURTYs).
 41. The forty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{41}$ (all foURTY-ONES).
 42. The forty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{42}$ (all foURTY-TWOs).
 43. The forty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{43}$ (all foURTY-THREEs).
 44. The forty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{44}$ (all foURTY-FOURs).
 45. The forty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{45}$ (all foURTY-FIVEs).
 46. The forty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{46}$ (all foURTY-SIXs).
 47. The forty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{47}$ (all foURTY-SEVENs).
 48. The forty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{48}$ (all foURTY-EIGHTs).
 49. The forty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{49}$ (all foURTY-NINEs).
 50. The fiftieth row of the matrix is the vector $\mathbf{50}$ (all fIFTYs).
 51. The fifty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{51}$ (all fIFTY-ONES).
 52. The fifty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{52}$ (all fIFTY-TWOs).
 53. The fifty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{53}$ (all fIFTY-THREEs).
 54. The fifty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{54}$ (all fIFTY-FOURs).
 55. The fifty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{55}$ (all fIFTY-FIVEs).
 56. The fifty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{56}$ (all fIFTY-SIXs).
 57. The fifty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{57}$ (all fIFTY-SEVENs).
 58. The fifty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{58}$ (all fIFTY-EIGHTs).
 59. The fifty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{59}$ (all fIFTY-NINEs).
 60. The sixtieth row of the matrix is the vector $\mathbf{60}$ (all SIXTYs).
 61. The sixty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{61}$ (all SIXTY-ONES).
 62. The sixty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{62}$ (all SIXTY-TWOs).
 63. The sixty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{63}$ (all SIXTY-THREEs).
 64. The sixty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{64}$ (all SIXTY-FOURs).
 65. The sixty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{65}$ (all SIXTY-FIVEs).
 66. The sixty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{66}$ (all SIXTY-SIXs).
 67. The sixty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{67}$ (all SIXTY-SEVENs).
 68. The sixty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{68}$ (all SIXTY-EIGHTs).
 69. The sixty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{69}$ (all SIXTY-NINEs).
 70. The seventieth row of the matrix is the vector $\mathbf{70}$ (all SEVENTYs).
 71. The seventy-first row of the matrix is the vector $\mathbf{71}$ (all SEVENTY-ONES).
 72. The seventy-second row of the matrix is the vector $\mathbf{72}$ (all SEVENTY-TWOs).
 73. The seventy-third row of the matrix is the vector $\mathbf{73}$ (all SEVENTY-THREEs).
 74. The seventy-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{74}$ (all SEVENTY-FOURs).
 75. The seventy-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{75}$ (all SEVENTY-FIVEs).
 76. The seventy-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{76}$ (all SEVENTY-SIXs).
 77. The seventy-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{77}$ (all SEVENTY-SEVENs).
 78. The seventy-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{78}$ (all SEVENTY-EIGHTs).
 79. The seventy-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{79}$ (all SEVENTY-NINEs).
 80. The eightieth row of the matrix is the vector $\mathbf{80}$ (all EIGHTYs).
 81. The eighty-first row of the matrix is the vector $\mathbf{81}$ (all EIGHTY-ONES).
 82. The eighty-second row of the matrix is the vector $\mathbf{82}$ (all EIGHTY-TWOs).
 83. The eighty-third row of the matrix is the vector $\mathbf{83}$ (all EIGHTY-THREEs).
 84. The eighty-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{84}$ (all EIGHTY-FOURs).
 85. The eighty-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{85}$ (all EIGHTY-FIVEs).
 86. The eighty-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{86}$ (all EIGHTY-SIXs).
 87. The eighty-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{87}$ (all EIGHTY-SEVENs).
 88. The eighty-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{88}$ (all EIGHTY-EIGHTs).
 89. The eighty-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{89}$ (all EIGHTY-NINEs).
 90. The ninetieth row of the matrix is the vector $\mathbf{90}$ (all NINETYs).
 91. The ninety-first row of the matrix is the vector $\mathbf{91}$ (all NINETY-ONES).
 92. The ninety-second row of the matrix is the vector $\mathbf{92}$ (all NINETY-TWOs).
 93. The ninety-third row of the matrix is the vector $\mathbf{93}$ (all NINETY-THREEs).
 94. The ninety-fourth row of the matrix is the vector $\mathbf{94}$ (all NINETY-FOURs).
 95. The ninety-fifth row of the matrix is the vector $\mathbf{95}$ (all NINETY-FIVEs).
 96. The ninety-sixth row of the matrix is the vector $\mathbf{96}$ (all NINETY-SIXs).
 97. The ninety-seventh row of the matrix is the vector $\mathbf{97}$ (all NINETY-SEVENs).
 98. The ninety-eighth row of the matrix is the vector $\mathbf{98}$ (all NINETY-EIGHTs).
 99. The ninety-ninth row of the matrix is the vector $\mathbf{99}$ (all NINETY-NINEs).
 100. The hundredth row of the matrix is the vector $\mathbf{100}$ (all HUNDREDs).



© 2005 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 258: 111–118

Figure 1

[illegible]

1. *Journal of the American Medical Association*, 2000; 283: 2689-2694.





Chào mừng bạn đã chọn mua hàng tại cửa hàng của chúng tôi. Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ qua số hotline 1900 123456.

On 10/11/2016, 11:05 AM, "andiprakash@cs.umd.edu" wrote:
On 10/11/2016, 11:05 AM, "andiprakash@cs.umd.edu" wrote:

They studied for almost 2 months and produced 11,000 words.

100



1. **Introduction**
2. **Background**
3. **Methodology**
4. **Results**
5. **Conclusion**

Year	Task and related Project description	Sub-objective 1: Performance improvement			Overall Task Status and Completion Date (YYYY-MM-DD)	Average time elapsed since starting Project Execution	Performance Delta (Before/After) measured with a KPI	Task using the Lean 5S Approach, Average Time	Overall Efficiency Improvement Percent
		Project Status as of today	Project Completion percentage of today	Time required to complete all sub-objectives					
		2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029
1	Project Alpha 1g	1	10%	10%	10%	1.2	10.0%	10	10%
2	Project Alpha 2g	2	10%	1.0%	10%	1.0	10.0%	10	10%
3	Project Alpha 3g	3	10%	1.0%	10%	1.2	10.0%	10	10%
4	Project Alpha 4g	4	10%	1.0%	10%	1.4	10%	10	10%
5	Project Alpha 5g	5	10%	1.0%	10%	1.6	10%	10	10%
6	Project Alpha 6g	6	10%	1.0%	10%	1.8	10%	10	10%
7	Project Alpha 7g	7	10.0%	10.0%	10%	2.0	10%	10%	10%
8	Project Alpha 8g	8	10.0%	10.0%	10%	2.2	10%	10%	10%
9	Project Alpha 9g	9	10.0%	10.0%	10%	2.4	10.0%	10%	10%
10	Project Alpha 10g	10	10.0%	10.0%	10%	2.6	10.0%	10%	10%
11	Project Alpha 11g	11	10.0%	10.0%	10%	2.8	10.0%	10%	10%
12	Project Alpha 12g	12	10.0%	10.0%	10%	3.0	10.0%	10%	10%
13	Project Alpha 13g	13	10.0%	10.0%	10%	3.2	10.0%	10%	10%
14	Project Alpha 14g	14	10.0%	10.0%	10%	3.4	10.0%	10%	10%
15	Project Alpha 15g	15	10.0%	10.0%	10%	3.6	10.0%	10%	10%
16	Project Alpha 16g	16	10.0%	10.0%	10%	3.8	10.0%	10%	10%
17	Project Alpha 17g	17	10.0%	10.0%	10%	4.0	10.0%	10%	10%
18	Project Alpha 18g	18	10.0%	10.0%	10%	4.2	10.0%	10%	10%
19	Project Alpha 19g	19	10.0%	10.0%	10%	4.4	10.0%	10%	10%
20	Project Alpha 20g	20	10.0%	10.0%	10%	4.6	10.0%	10%	10%
21	Project Alpha 21g	21	10.0%	10.0%	10%	4.8	10.0%	10%	10%
22	Project Alpha 22g	22	10.0%	10.0%	10%	5.0	10.0%	10%	10%
23	Project Alpha 23g	23	10.0%	10.0%	10%	5.2	10.0%	10%	10%
24	Project Alpha 24g	24	10.0%	10.0%	10%	5.4	10.0%	10%	10%
25	Project Alpha 25g	25	10.0%	10.0%	10%	5.6	10.0%	10%	10%
26	Project Alpha 26g	26	10.0%	10.0%	10%	5.8	10.0%	10%	10%
27	Project Alpha 27g	27	10.0%	10.0%	10%	6.0	10.0%	10%	10%
28	Project Alpha 28g	28	10.0%	10.0%	10%	6.2	10.0%	10%	10%
29	Project Alpha 29g	29	10.0%	10.0%	10%	6.4	10.0%	10%	10%
30	Project Alpha 30g	30	10.0%	10.0%	10%	6.6	10.0%	10%	10%

Copyright © 2009 by John Wiley & Sons, Inc.

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110



Tips & Tricks to doing business successfully from 1980 - 1987

1. **State** **Inventory**
 2. **Inventory** **Management**
 3. **Inventory** **Control**
 4. **Inventory** **Analysis**
 5. **Inventory** **Forecasting**
 6. **Inventory** **Optimization**
 7. **Inventory** **Simulation**
 8. **Inventory** **Modeling**
 9. **Inventory** **System**
 10. **Inventory** **Performance**
 11. **Inventory** **Costs**
 12. **Inventory** **Turnover**
 13. **Inventory** **Accuracy**
 14. **Inventory** **Reorder**
 15. **Inventory** **Lead**
 16. **Inventory** **Shrinkage**
 17. **Inventory** **Loss**
 18. **Inventory** **Waste**
 19. **Inventory** **Excess**
 20. **Inventory** **Shortage**
 21. **Inventory** **Stockout**
 22. **Inventory** **Outage**
 23. **Inventory** **Backlog**
 24. **Inventory** **Order**
 25. **Inventory** **Quantity**
 26. **Inventory** **Value**
 27. **Inventory** **Cost**
 28. **Inventory** **Revenue**
 29. **Inventory** **Profit**
 30. **Inventory** **Loss**
 31. **Inventory** **Waste**
 32. **Inventory** **Excess**
 33. **Inventory** **Shortage**
 34. **Inventory** **Stockout**
 35. **Inventory** **Outage**
 36. **Inventory** **Backlog**
 37. **Inventory** **Order**
 38. **Inventory** **Quantity**
 39. **Inventory** **Value**
 40. **Inventory** **Cost**
 41. **Inventory** **Revenue**
 42. **Inventory** **Profit**
 43. **Inventory** **Loss**
 44. **Inventory** **Waste**
 45. **Inventory** **Excess**
 46. **Inventory** **Shortage**
 47. **Inventory** **Stockout**
 48. **Inventory** **Outage**
 49. **Inventory** **Backlog**
 50. **Inventory** **Order**
 51. **Inventory** **Quantity**
 52. **Inventory** **Value**
 53. **Inventory** **Cost**
 54. **Inventory** **Revenue**
 55. **Inventory** **Profit**
 56. **Inventory** **Loss**
 57. **Inventory** **Waste**
 58. **Inventory** **Excess**
 59. **Inventory** **Shortage**
 60. **Inventory** **Stockout**
 61. **Inventory** **Outage**
 62. **Inventory** **Backlog**
 63. **Inventory** **Order**
 64. **Inventory** **Quantity**
 65. **Inventory** **Value**
 66. **Inventory** **Cost**
 67. **Inventory** **Revenue**
 68. **Inventory** **Profit**
 69. **Inventory** **Loss**
 70. **Inventory** **Waste**
 71. **Inventory** **Excess**
 72. **Inventory** **Shortage**
 73. **Inventory** **Stockout**
 74. **Inventory** **Outage**
 75. **Inventory** **Backlog**
 76. **Inventory** **Order**
 77. **Inventory** **Quantity**
 78. **Inventory** **Value**
 79. **Inventory** **Cost**
 80. **Inventory** **Revenue**
 81. **Inventory** **Profit**
 82. **Inventory** **Loss**
 83. **Inventory** **Waste**
 84. **Inventory** **Excess**
 85. **Inventory** **Shortage**
 86. **Inventory** **Stockout**
 87. **Inventory** **Outage**
 88. **Inventory** **Backlog**
 89. **Inventory** **Order**
 90. **Inventory** **Quantity**
 91. **Inventory** **Value**
 92. **Inventory** **Cost**
 93. **Inventory** **Revenue**
 94. **Inventory** **Profit**
 95. **Inventory** **Loss**
 96. **Inventory** **Waste**
 97. **Inventory** **Excess**
 98. **Inventory** **Shortage**
 99. **Inventory** **Stockout**
 100. **Inventory** **Outage**
 101. **Inventory** **Backlog**
 102. **Inventory** **Order**
 103. **Inventory** **Quantity**
 104. **Inventory** **Value**
 105. **Inventory** **Cost**
 106. **Inventory** **Revenue**
 107. **Inventory** **Profit**
 108. **Inventory** **Loss**
 109. **Inventory** **Waste**
 110. **Inventory** **Excess**
 111. **Inventory** **Shortage**
 112. **Inventory** **Stockout**
 113. **Inventory** **Outage**
 114. **Inventory** **Backlog**
 115. **Inventory** **Order**
 116. **Inventory** **Quantity**
 117. **Inventory** **Value**
 118. **Inventory** **Cost**
 119. **Inventory** **Revenue**
 120. **Inventory** **Profit**
 121. **Inventory** **Loss**
 122. **Inventory** **Waste**
 123. **Inventory** **Excess**
 124. **Inventory** **Shortage**
 125. **Inventory** **Stockout**
 126. **Inventory** **Outage**
 127. **Inventory** **Backlog**
 128. **Inventory** **Order**
 129. **Inventory** **Quantity**
 130. **Inventory** **Value**
 131. **Inventory** **Cost**
 132. **Inventory** **Revenue**
 133. **Inventory** **Profit**
 134. **Inventory** **Loss**
 135. **Inventory** **Waste**
 136. **Inventory** **Excess**
 137. **Inventory** **Shortage**
 138. **Inventory** **Stockout**
 139. **Inventory** **Outage**
 140. **Inventory** **Backlog**
 141. **Inventory** **Order**
 142. **Inventory** **Quantity**
 143. **Inventory** **Value**
 144. **Inventory** **Cost**
 145. **Inventory** **Revenue**
 146. **Inventory** **Profit**
 147. **Inventory** **Loss**
 148. **Inventory** **Waste**
 149. **Inventory** **Excess**
 150. **Inventory** **Shortage**
 151. **Inventory** **Stockout**
 152. **Inventory** **Outage**
 153. **Inventory** **Backlog**
 154. **Inventory** **Order**
 155. **Inventory** **Quantity**
 156. **Inventory** **Value**
 157. **Inventory** **Cost**
 158. **Inventory** **Revenue**
 159. **Inventory** **Profit**
 160. **Inventory** **Loss**
 161. **Inventory** **Waste**
 162. **Inventory** **Excess**
 163. **Inventory** **Shortage**
 164. **Inventory** **Stockout**
 165. **Inventory** **Outage**
 166. **Inventory** **Backlog**
 167. **Inventory** **Order**
 168. **Inventory** **Quantity**
 169. **Inventory** **Value**
 170. **Inventory** **Cost**
 171. **Inventory** **Revenue**
 172. **Inventory** **Profit**
 173. **Inventory** **Loss**
 174. **Inventory** **Waste**
 175. **Inventory** **Excess**
 176. **Inventory** **Shortage**
 177. **Inventory** **Stockout**
 178. **Inventory** **Outage**
 179. **Inventory** **Backlog**

[illegible]



CÁC MÔ HÌNH 3 LỚP, CÓ HOẠT ĐỘNG ĐỘNG TỰ CHỌN TRONG MÔ HÌNH (M3), CÁC MÔ HÌNH M3C, VÀ MÔ HÌNH M3C+ ĐƯỢC ĐỀ XUẤT TRONG BẢNG 3. CÁC MÔ HÌNH M3C VÀ M3C+ ĐƯỢC ĐỀ XUẤT TRONG BẢNG 3.

© 2000 Cambridge University Press. Printed in the United Kingdom. This is a hard-copy reprint of the freely available online version.

© 2004 by The McGraw-Hill Companies, Inc. All rights reserved. Printed in the United States of America. This publication is protected by copyright. Any unauthorized distribution or reproduction of this work is prohibited. For more information, contact The McGraw-Hill Companies, Inc., 1221 Avenue of the Americas, New York, NY 10020-1095.

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

[illegible]

1) Bei der vollständigen Homogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 0$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = 0$.
 2) Bei der vollständigen Inhomogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 0$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = x(1-x)$.
 3) Bei der vollständigen Inhomogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 0$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = x$.
 4) Bei der vollständigen Inhomogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 0$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = y$.
 5) Bei der vollständigen Inhomogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 0$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = x(1-x) + y$.
 6) Bei der vollständigen Inhomogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 1$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = x(1-x) + y(1-y)$.
 7) Bei der vollständigen Inhomogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 0$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 0$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = x(1-x) + y(1-y)$.
 8) Bei der vollständigen Inhomogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 0$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 0$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = x(1-x) + y(1-y)$.
 9) Bei der vollständigen Inhomogenität der Randwerte gilt:
 $\lim_{x \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{x \rightarrow 1} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 0} u(x, y) = 1$, $\lim_{y \rightarrow 1} u(x, y) = 1$.
 In diesem Fall ist die Lösung $u(x, y) = x(1-x) + y(1-y)$.



† 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 2680,

© 2000 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. ISBN 0-471-39784-3

100



1. **Author:** [Name]
 2. **Title:** [Title]
 3. **Journal:** [Journal]
 4. **Volume:** [Volume]
 5. **Issue:** [Issue]
 6. **Page:** [Page]
 7. **Year:** [Year]

ID	Movie Title	Box Office Performance (Domestic Market)			Gross Revenue (USD Millions)	Number of Weeks in Release	Average Weekly Gross (USD Thousands)	Opening Weekend Gross (USD Thousands)	Weeks at Number One	Total Weeks in Release	Final Gross (USD Millions)
		Week 1 Gross (USD Thousands)	Week 2 Gross (USD Thousands)	Week 3 Gross (USD Thousands)							
		(Week 1)	(Week 2)	(Week 3)	(Total)	(Weeks)	(Average)	(Opening)	(Weeks)	(Total)	(Final)
1	Toy Story	3	2.8	2.7	8.5	10	850	3.0	10	10	8.5
2	Toy Story 2	3	2.7	2.6	8.3	10	830	2.9	10	10	8.3
3	Toy Story 3	3	2.9	2.8	8.7	11	880	3.1	11	11	8.7
4	Toy Story 4	3	3.0	2.9	8.9	12	910	3.2	12	12	8.9
5	Toy Story 5	3	3.1	3.0	9.1	13	940	3.3	13	13	9.1
6	Toy Story 6	3	3.2	3.1	9.4	14	970	3.4	14	14	9.4
7	Toy Story 7	3	3.3	3.2	9.7	15	1000	3.5	15	15	9.7
8	Toy Story 8	3	3.4	3.3	10.0	16	1030	3.6	16	16	10.0
9	Toy Story 9	3	3.5	3.4	10.3	17	1060	3.7	17	17	10.3
10	Toy Story 10	3	3.6	3.5	10.6	18	1090	3.8	18	18	10.6
11	Toy Story 11	3	3.7	3.6	10.9	19	1120	3.9	19	19	10.9
12	Toy Story 12	3	3.8	3.7	11.2	20	1150	4.0	20	20	11.2
13	Toy Story 13	3	3.9	3.8	11.5	21	1180	4.1	21	21	11.5
14	Toy Story 14	3	4.0	3.9	11.8	22	1210	4.2	22	22	11.8
15	Toy Story 15	3	4.1	4.0	12.1	23	1240	4.3	23	23	12.1
16	Toy Story 16	3	4.2	4.1	12.4	24	1270	4.4	24	24	12.4
17	Toy Story 17	3	4.3	4.2	12.7	25	1300	4.5	25	25	12.7
18	Toy Story 18	3	4.4	4.3	13.0	26	1330	4.6	26	26	13.0
19	Toy Story 19	3	4.5	4.4	13.3	27	1360	4.7	27	27	13.3
20	Toy Story 20	3	4.6	4.5	13.6	28	1390	4.8	28	28	13.6
21	Toy Story 21	3	4.7	4.6	13.9	29	1420	4.9	29	29	13.9
22	Toy Story 22	3	4.8	4.7	14.2	30	1450	5.0	30	30	14.2
23	Toy Story 23	3	4.9	4.8	14.5	31	1480	5.1	31	31	14.5
24	Toy Story 24	3	5.0	4.9	14.8	32	1510	5.2	32	32	14.8
25	Toy Story 25	3	5.1	5.0	15.1	33	1540	5.3	33	33	15.1
26	Toy Story 26	3	5.2	5.1	15.4	34	1570	5.4	34	34	15.4
27	Toy Story 27	3	5.3	5.2	15.7	35	1600	5.5	35	35	15.7
28	Toy Story 28	3	5.4	5.3	16.0	36	1630	5.6	36	36	16.0
29	Toy Story 29	3	5.5	5.4	16.3	37	1660	5.7	37	37	16.3
30	Toy Story 30	3	5.6	5.5	16.6	38	1690	5.8	38	38	16.6
31	Toy Story 31	3	5.7	5.6	16.9	39	1720	5.9	39	39	16.9
32	Toy Story 32	3	5.8	5.7	17.2	40	1750	6.0	40	40	17.2
33	Toy Story 33	3	5.9	5.8	17.5	41	1780	6.1	41	41	17.5
34	Toy Story 34	3	6.0	5.9	17.8	42	1810	6.2	42	42	17.8
35	Toy Story 35	3	6.1	6.0	18.1	43	1840	6.3	43	43	18.1
36	Toy Story 36	3	6.2	6.1	18.4	44	1870	6.4	44	44	18.4
37	Toy Story 37	3	6.3	6.2	18.7	45	1900	6.5	45	45	18.7
38	Toy Story 38	3	6.4	6.3	19.0	46	1930	6.6	46	46	19.0
39	Toy Story 39	3	6.5	6.4	19.3	47	1960	6.7	47	47	19.3
40	Toy Story 40	3	6.6	6.5	19.6	48	1990	6.8	48	48	19.6

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

Copyright © 2009 by John Wiley & Sons, Inc.

© 2006 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 260: 103–110



Life story Comprehension

Group	Mean Score
Control (n=10)	10
Mild AD (n=10)	10
Moderate AD (n=10)	10

Legend: Control (n=10), Mild AD (n=10), Moderate AD (n=10)

ID	File Name	File Information						File Size		File Type	File Category	File Subcategory	File Content		File Status	File Date	File Time	File User
		File Metadata						File Hash					File Data					
		File ID	File Name	File Size	File Type	File Category	File Subcategory	File Hash	File Data				File Data	File Data				
1	File 1	1	File 1	1000	File 1	File 1	File 1	1000	File 1	File 1	File 1	File 1	File 1	File 1	File 1	File 1	File 1	File 1
2	File 2	2	File 2	2000	File 2	File 2	File 2	2000	File 2	File 2	File 2	File 2	File 2	File 2	File 2	File 2	File 2	File 2
3	File 3	3	File 3	3000	File 3	File 3	File 3	3000	File 3	File 3	File 3	File 3	File 3	File 3	File 3	File 3	File 3	File 3
4	File 4	4	File 4	4000	File 4	File 4	File 4	4000	File 4	File 4	File 4	File 4	File 4	File 4	File 4	File 4	File 4	File 4
5	File 5	5	File 5	5000	File 5	File 5	File 5	5000	File 5	File 5	File 5	File 5	File 5	File 5	File 5	File 5	File 5	File 5
6	File 6	6	File 6	6000	File 6	File 6	File 6	6000	File 6	File 6	File 6	File 6	File 6	File 6	File 6	File 6	File 6	File 6
7	File 7	7	File 7	7000	File 7	File 7	File 7	7000	File 7	File 7	File 7	File 7	File 7	File 7	File 7	File 7	File 7	File 7
8	File 8	8	File 8	8000	File 8	File 8	File 8	8000	File 8	File 8	File 8	File 8	File 8	File 8	File 8	File 8	File 8	File 8
9	File 9	9	File 9	9000	File 9	File 9	File 9	9000	File 9	File 9	File 9	File 9	File 9	File 9	File 9	File 9	File 9	File 9
10	File 10	10	File 10	10000	File 10	File 10	File 10	10000	File 10	File 10	File 10	File 10	File 10	File 10	File 10	File 10	File 10	File 10
11	File 11	11	File 11	11000	File 11	File 11	File 11	11000	File 11	File 11	File 11	File 11	File 11	File 11	File 11	File 11	File 11	File 11
12	File 12	12	File 12	12000	File 12	File 12	File 12	12000	File 12	File 12	File 12	File 12	File 12	File 12	File 12	File 12	File 12	File 12
13	File 13	13	File 13	13000	File 13	File 13	File 13	13000	File 13	File 13	File 13	File 13	File 13	File 13	File 13	File 13	File 13	File 13
14	File 14	14	File 14	14000	File 14	File 14	File 14	14000	File 14	File 14	File 14	File 14	File 14	File 14	File 14	File 14	File 14	File 14
15	File 15	15	File 15	15000	File 15	File 15	File 15	15000	File 15	File 15	File 15	File 15	File 15	File 15	File 15	File 15	File 15	File 15
16	File 16	16	File 16	16000	File 16	File 16	File 16	16000	File 16	File 16	File 16	File 16	File 16	File 16	File 16	File 16	File 16	File 16
17	File 17	17	File 17	17000	File 17	File 17	File 17	17000	File 17	File 17	File 17	File 17	File 17	File 17	File 17	File 17	File 17	File 17
18	File 18	18	File 18	18000	File 18	File 18	File 18	18000	File 18	File 18	File 18	File 18	File 18	File 18	File 18	File 18	File 18	File 18
19	File 19	19	File 19	19000	File 19	File 19	File 19	19000	File 19	File 19	File 19	File 19	File 19	File 19	File 19	File 19	File 19	File 19
20	File 20	20	File 20	20000	File 20	File 20	File 20	20000	File 20	File 20	File 20	File 20	File 20	File 20	File 20	File 20	File 20	File 20
21	File 21	21	File 21	21000	File 21	File 21	File 21	21000	File 21	File 21	File 21	File 21	File 21	File 21	File 21	File 21	File 21	File 21
22	File 22	22	File 22	22000	File 22	File 22	File 22	22000	File 22	File 22	File 22	File 22	File 22	File 22	File 22	File 22	File 22	File 22
23	File 23	23	File 23	23000	File 23	File 23	File 23	23000	File 23	File 23	File 23	File 23	File 23	File 23	File 23	File 23	File 23	File 23
24	File 24	24	File 24	24000	File 24	File 24	File 24	24000	File 24	File 24	File 24	File 24	File 24	File 24	File 24	File 24	File 24	File 24
25	File 25	25	File 25	25000	File 25	File 25	File 25	25000	File 25	File 25	File 25	File 25	File 25	File 25	File 25	File 25	File 25	File 25
26	File 26	26	File 26	26000	File 26	File 26	File 26	26000	File 26	File 26	File 26	File 26	File 26	File 26	File 26	File 26	File 26	File 26
27	File 27	27	File 27	27000	File 27	File 27	File 27	27000	File 27	File 27	File 27	File 27	File 27	File 27	File 27	File 27	File 27	File 27
28	File 28	28	File 28	28000	File 28	File 28	File 28	28000	File 28	File 28	File 28	File 28	File 28	File 28	File 28	File 28	File 28	File 28
29	File 29	29	File 29	29000	File 29	File 29	File 29	29000	File 29	File 29	File 29	File 29	File 29	File 29	File 29	File 29	File 29	File 29
30	File 30	30	File 30	30000	File 30	File 30	File 30	30000	File 30	File 30	File 30	File 30	File 30	File 30	File 30	File 30	File 30	File 30

© 2000 Intel Corporation. Intel, the Intel logo, and Pentium are trademarks or registered trademarks of Intel Corporation or its subsidiaries in the United States and other countries. All other trademarks are the property of their respective owners. Intel, the Intel logo, and Pentium are trademarks or registered trademarks of Intel Corporation or its subsidiaries in the United States and other countries. All other trademarks are the property of their respective owners.



© 2001 John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. This article is a U.S. Government work and, as such, is in the public domain in the United States of America.

© 2000 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. ISBN 0-471-30600-0

100



1. **Identify the main idea**
 2. **Identify the supporting details**
 3. **Identify the conclusion**
 4. **Identify the evidence**
 5. **Identify the counter-evidence**
 6. **Identify the author's bias**
 7. **Identify the author's purpose**
 8. **Identify the author's tone**
 9. **Identify the author's style**
 10. **Identify the author's audience**

ID	Name of the Production	Box Office Statistics (Domestic Market)			Gross Revenue (USD Millions)	Gross Profit (USD Millions)	Average Ticket Price (USD)	Number of Screens	Weeks in Release	Rating (IMDb)	Genre	Director
		Week 1 Gross	Week 1 Per-Screen Average	Week 1 Total Screens								
		(USD)	(USD)	(Screens)	(USD)	(USD)	(USD)	(Screens)	(Weeks)	(0-10)		
01	Starburst	5	1000	5000	100	75	15.0	200	12	8.2	Action	John Doe
02	Starburst	3	1200	4000	90	68	12.0	180	10	7.8	Drama	Jane Smith
03	Starburst	2	1100	3500	85	65	11.5	170	9	7.5	Comedy	Mike Johnson
04	Starburst	4	900	2200	70	55	10.0	150	8	7.0	Thriller	Sarah Lee
05	Starburst	1	1300	3000	60	48	13.0	120	7	8.5	Sci-Fi	David Kim
06	Starburst	2	1050	2500	55	45	10.5	110	6	7.2	Horror	Emily White
07	Starburst	3	1250	3200	65	52	11.0	130	7	8.0	Adventure	Chris Brown
08	Starburst	1	1150	2800	50	42	10.0	100	5	7.6	Documentary	Alex Green
09	Starburst	2	1000	2400	45	40	9.5	90	4	7.1	Biography	Olivia Black
10	Starburst	4	1350	3400	75	60	12.5	160	11	8.8	Animation	Benjamin Gray
11	Starburst	1	1400	3600	80	65	14.0	170	9	9.0	Family	Mia Adams
12	Starburst	3	1180	3100	68	53	11.2	140	8	7.9	Mystery	Noah Evans
13	Starburst	2	1020	2600	52	43	10.2	115	6	7.3	War	Liam Foster
14	Starburst	1	1280	2900	58	47	11.8	125	7	8.1	Historical	Ava Hill
15	Starburst	4	1320	3300	72	58	12.2	155	10	8.6	Fantasy	Ethan King
16	Starburst	2	1080	2700	48	41	10.8	105	5	7.4	Crime	Sophia Lopez
17	Starburst	3	1220	3000	62	51	11.4	135	8	8.3	Superhero	Lucas Miller
18	Starburst	1	1120	2800	50	42	10.4	110	6	7.7	Music	Isabella Nelson
19	Starburst	2	1040	2500	46	39	10.1	95	4	7.0	Reality	Leo Parker
20	Starburst	4	1380	3500	78	62	12.8	165	11	8.9	Game	Aria Quinn

1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 2680, 26

Copyright © 2010 by John Wiley & Sons, Inc.

© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

Source: *Journal of the American Statistical Association*, 1997, Vol. 92, No. 439, pp. 1092-1103. Copyright 1997 by the American Statistical Association.





QUẪN CÁP ĐIỆN KIM LOẠI CÓ CHẤT LƯỢNG CAO
HAIR-ALUMINUM CONDUCTOR (HAC)
Tên chuẩn kỹ thuật: Aluminum conductor **TCN 5549: 2007**

Quản cáp nhôm / Aluminum conductor



Quản cáp nhôm / Aluminum conductor (HAC) / Quản

STT TTL	Tên và kích thước	Số liệu kỹ thuật Technical data			Số liệu tải theo quy định (TCN 5549: 2007)	Số liệu tương quy định	
		Diện tích mặt cắt (mm ²)	Trọng lượng tính trên 1m (kg)	Áp suất tải theo TCN 5549: 2007 (N/mm ²)		Áp suất / Tải trọng	Áp suất / Tải trọng
	1000				100	1000	1000
1	1000	3	100	100	100	1000	1000
2	1000	3	100	100	100	1000	1000
3	1000	3	100	100	100	1000	1000
4	1000	3	100	100	100	1000	1000
5	1000	3	100	100	100	1000	1000
6	1000	3	100	100	100	1000	1000
7	1000	3	100	100	100	1000	1000
8	1000	3	100	100	100	1000	1000
9	1000	3	100	100	100	1000	1000
10	1000	3	100	100	100	1000	1000
11	1000	3	100	100	100	1000	1000
12	1000	3	100	100	100	1000	1000
13	1000	3	100	100	100	1000	1000
14	1000	3	100	100	100	1000	1000
15	1000	3	100	100	100	1000	1000
16	1000	3	100	100	100	1000	1000
17	1000	3	100	100	100	1000	1000
18	1000	3	100	100	100	1000	1000
19	1000	3	100	100	100	1000	1000
20	1000	3	100	100	100	1000	1000
21	1000	3	100	100	100	1000	1000
22	1000	3	100	100	100	1000	1000

THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.
 THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀ CHỈNH SỬA THEO CÁCH NHANH NHẤT.



Year	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041	2042	2043	2044	2045	2046	2047	2048	2049	2050	2051	2052	2053	2054	2055	2056	2057	2058	2059	2060	2061	2062	2063	2064	2065	2066	2067	2068	2069	2070	2071	2072	2073	2074	2075	2076	2077	2078	2079	2080	2081	2082	2083	2084	2085	2086	2087	2088	2089	2090	2091	2092	2093	2094	2095	2096	2097	2098	2099
1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041	2042	2043	2044	2045	2046	2047	2048	2049	2050	2051	2052	2053	2054	2055	2056	2057	2058	2059	2060	2061	2062	2063	2064	2065	2066	2067	2068	2069	2070	2071	2072	2073	2074	2075	2076	2077	2078	2079	2080	2081	2082	2083	2084	2085	2086	2087	2088	2089	2090	2091	2092	2093	2094	2095	2096	2097	2098	2099	

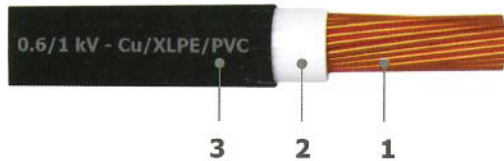
[illegible][illegible]

CÁP ĐIỆN 1 LỖI KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ 0.6/1 KV - CU/XLPE/PVC

0.6/1 kV unarmoured single core cables - Cu/XLPE/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Applied standards: TCVN 5935 (IEC 60502-1)

Kết cấu / Construction



- | | |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Lõi dẫn điện / Conductor | : Đồng / Copper |
| 2. Lớp cách điện / Insulation | : XLPE |
| 3. Lớp bọc ngoài / Outer sheath | : PVC |

Tiết diện mặt cắt danh định	Ruột dẫn điện Conductor		Chiều dày cách điện	Chiều dày danh định vỏ bọc	Đường kính tổng gần đúng	Điện trở ruột dẫn ở 20°C	Chiều dài đóng gói
Nominal cross section area	Số sợi No. of wires	Đường kính sợi Dia. of wires	Insulation thickness	Nominal sheath thickness	Approx, overall diameter	Conductor resistance at 20°C	Packing length
(mm ²)		(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(Ω/km)	(m)
1x1.5	1	0.53	0.7	1.4	6	12.1	200/C
1x2.5	7	0.67	0.7	1.4	6.5	7.41	200/C
1x3.5 (*)	7	0.80	0.7	1.4	7	5.20	200/C
1x4	7	0.85	0.7	1.4	7	4.61	200/C
1x5.5 (*)	7	1.00	0.7	1.4	7.5	3.33	200/C
1x6	7	1.04	0.7	1.4	7.5	3.08	200/C
1x8 (*)	7	1.20	0.7	1.4	8	2.31	2000
1x10	7	1.35	0.7	1.4	8.5	1.83	2000
1x14 (*)	7	1.60	0.7	1.4	9	1.30	2000
1x16	7	1.70	0.7	1.4	9.5	1.15	2000
1x22 (*)	7	2.00	0.9	1.4	11	0.832	2000
1x25	7	2.14	0.9	1.4	11	0.727	1000
1x35	7	2.52	0.9	1.4	12	0.524	1000
1x38 (*)	7	2.60	0.9	1.4	13	0.492	1000
1x50	19	1.78	1.0	1.4	14	0.387	1000
1x60 (*)	19	2.00	1.0	1.4	15	0.307	1000
1x70	19	2.14	1.1	1.4	16	0.268	1000
1x95	19	2.52	1.1	1.5	18	0.193	1000
1x100 (*)	19	2.60	1.1	1.5	19	0.182	1000
1x120	37	2.03	1.2	1.5	20	0.153	1000
1x125 (*)	37	2.07	1.2	1.5	20	0.147	1000
1x150	37	2.25	1.4	1.6	22	0.124	500
1x185	37	2.52	1.6	1.6	24	0.0991	500
1x240	61	2.25	1.7	1.7	28	0.0754	500
1x300	61	2.52	1.8	1.8	30	0.0601	500
1x400	61	2.85	2.0	1.9	34	0.0470	500
1x500	61	3.20	2.2	2.0	38	0.0366	500

(*) Sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn cơ sở được xây dựng tham khảo theo các tiêu chuẩn IEC 60502-1, JIS C 3605:

The products are applied base standard which is built on reference to IEC 60502-1, JIS C 3605 std.

Ngoài các chủng loại sản phẩm trên, chúng tôi sẽ sản xuất các loại sản phẩm có qui cách theo yêu cầu của khách hàng.

In addition to the product categories above, we will produce all kinds of specifications products according to customer requirements

CÁP ĐIỆN 2 LỖI KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ 0.6/1 KV - CU/XLPE/PVC

0.6/1 kV unarmoured 2 cores cables - Cu/XLPE/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Applied standards: TCVN 5935 (IEC 60502-1)

Kết cấu / Construction



- | | |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Lõi dẫn điện / Conductor | : Đồng / Copper |
| 2. Lớp cách điện / Insulation | : XLPE |
| 3. Lớp độn/ Filler | : PVC/PP |
| 4. Lớp bọc ngoài / Outer sheath | : PVC |

Số lõi x Tiết diện mặt cắt danh định	Ruột dẫn điện Conductor		Chiều dày cách điện	Chiều dày danh định vỏ bọc	Đường kính tổng gần đúng	Điện trở ruột dẫn ở 20°C	Chiều dài đóng gói
No. of core x Nominal cross section area	Số sợi No. of wires	Đường kính sợi Dia. of wires	Insulation thickness	Nominal sheath thickness	Approx, overall diameter	Conductor resistance at 20°C	Packing length
(mm ²)		(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(Ω/km)	(m)
2x1.5 (*)	1	1.38	0.7	1.8	10	12.1	200/C
2x1.5	7	0.53	0.7	1.8	10	12.1	200/C
2x2.5 (*)	1	1.78	0.7	1.8	11	7.41	200/C
2x2.5	7	0.67	0.7	1.8	11	7.41	200/C
2x4 (*)	1	2.25	0.7	1.8	11	4.61	200/C
2x4	7	0.85	0.7	1.8	12	4.61	200/C
2x6 (*)	1	2.75	0.7	1.8	12	3.08	200/C
2x6	7	1.04	0.7	1.8	13	3.08	200/C
2x8 (*)	7	1.20	0.7	1.8	14	2.31	2000
2x10	7	1.35	0.7	1.8	15	1.83	2000
2x14 (*)	7	1.60	0.7	1.8	16	1.30	2000
2x16	7	1.70	0.7	1.8	17	1.15	2000
2x25	7	2.14	0.9	1.8	20	0.727	1000
2x35	7	2.52	0.9	1.8	23	0.524	1000
2x50	19	1.78	1.0	1.8	26	0.387	1000
2x60 (*)	19	2.00	1.0	1.8	28	0.307	1000
2x70	19	2.14	1.1	1.8	30	0.268	1000
2x95	19	2.52	1.1	1.9	34	0.193	1000
2 x100 (*)	19	2.60	1.1	1.9	35	0.182	1000
2x120	37	2.03	1.2	2.0	37	0.153	500
2x125 (*)	37	2.07	1.2	2.1	38	0.147	500
2x150	37	2.25	1.4	2.2	42	0.124	500
2x185	37	2.52	1.6	2.3	47	0.0991	500
2x240	61	2.25	1.7	2.5	53	0.0754	500
2x300	61	2.52	1.8	2.6	58	0.0601	500
2x400	61	2.85	2.0	2.9	66	0.0470	500
2x500	61	3.20	2.2	3.1	73	0.0366	500

(*) Sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn cơ sở được xây dựng tham khảo theo các tiêu chuẩn IEC 60502-1, JIS C 3605:

The products are applied base standard which is built on reference to IEC 60502-1, JIS C 3605 std.

Ngoài các chủng loại sản phẩm trên, chúng tôi sẽ sản xuất các loại sản phẩm có qui cách theo yêu cầu của khách hàng.

In addition to the product categories above, we will produce all kinds of specifications products according to customer requirements

CÁP ĐIỆN 3 LỖI KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ 0.6/1 KV - CU/XLPE/PVC

0.6/1 kV unarmoured 3 cores cables - Cu/XLPE/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Applied standards: TCVN 5935 (IEC 60502-1)

Kết cấu / Construction



- | | |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Lõi dẫn điện / Conductor | : Đồng / Copper |
| 2. Lớp cách điện / Insulation | : XLPE |
| 3. Lớp độn / Filler | : PVC/PP |
| 4. Lớp bọc ngoài / Outer sheath | : PVC |

Số lõi x Tiết diện mặt cắt danh định	R ruột dẫn điện Conductor		Chiều dày cách điện	Chiều dày danh định vỏ bọc	Đường kính tổng gần đúng	Điện trở ruột dẫn ở 20°C	Chiều dài đóng gói
No. of core x Nominal cross section area	Số sợi No. of wires	Đường kính sợi Dia. of wires	Insulation thickness	Nominal sheath thickness	Approx. overall diameter	Conductor resistance at 20°C	Packing length
(mm ²)		(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(Ω/km)	(m)
3x1.5	7	0.53	0.7	1.8	10.5	12.1	200/C
3x2.5	7	0.67	0.7	1.8	11	7.41	200/C
3x3.5 (*)	7	0.80	0.7	1.8	12	5.20	200/C
3x4	7	0.85	0.7	1.8	12.5	4.61	200/C
3x5.5 (*)	7	1.00	0.7	1.8	13	3.33	200/C
3x6	7	1.04	0.7	1.8	13.5	3.08	200/C
3x8 (*)	7	1.20	0.7	1.8	15	2.31	2000
3x10	7	1.35	0.7	1.8	16	1.83	2000
3x14 (*)	7	1.60	0.7	1.8	17	1.30	2000
3x16	7	1.70	0.7	1.8	18	1.15	2000
3x22 (*)	7	2.00	0.9	1.8	21	0.832	2000
3x25	7	2.14	0.9	1.8	22	0.727	1000
3x30 (*)	7	2.30	0.9	1.8	23	0.629	1000
3x35	7	2.52	0.9	1.8	24	0.524	1000
3x38 (*)	7	2.60	0.9	1.8	25	0.492	1000
3x50	19	1.78	1.0	1.8	28	0.387	1000
3x60 (*)	19	2.00	1.0	1.8	30	0.307	1000
3x70	19	2.14	1.1	1.9	32	0.268	1000
3x95	19	2.52	1.1	2.0	36	0.193	500
3x100 (*)	19	2.60	1.1	2.0	37	0.182	500
3x120	37	2.03	1.2	2.1	41	0.153	500
3x150	37	2.25	1.4	2.3	45	0.124	500
3x185	37	2.52	1.6	2.4	50	0.0991	500
3x200 (*)	61	2.04	1.7	2.5	53	0.0918	500
3x240	61	2.25	1.7	2.6	57	0.0754	300
3x300	61	2.52	1.8	2.7	63	0.0601	300

(*) Sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn cơ sở được xây dựng tham khảo theo các tiêu chuẩn IEC 60502-1, JIS C 3605.

The products are applied base standard which is built on reference to IEC 60502-1, JIS c 3605 std.

Ngoài các chủng loại sản phẩm trên, chúng tôi sẽ sản xuất các loại sản phẩm có qui cách theo yêu cầu của khách hàng.

In addition to the product categories above, we will produce all kinds of specifications products according to customer requirements

[illegible][illegible]



© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

- | | |
|---|------|
| 1. <i>Staphylococcus aureus</i> | 100% |
| 2. <i>Staphylococcus epidermidis</i> | 100% |
| 3. <i>Staphylococcus saprophyticus</i> | 100% |
| 4. <i>Staphylococcus carnosus</i> (Gram-negative) | 100% |

[illegible]



Copyright © 2004 John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, scanning, or otherwise, except as may be permitted in writing by John Wiley & Sons, Inc. This publication is intended solely for the personal use of the individual user and is not to be disseminated broadly. Reproduction by anyone other than the individual user is prohibited. For more information, contact John Wiley & Sons, Inc., 111 River Street, Hoboken, NJ 07030, (201) 748-6000, or <http://www.interscience.wiley.com>.

100



ID	Module/Version	Performance Metrics (Q1 2024)						Efficiency		Reliability		Scalability		Security		Compliance	Status	Last Update
		CPU Usage			Memory Usage			Avg. Time	Error Rate	Uptime %	Latency (ms)	Throughput (req/s)	Data Loss %	Access Control				
		Min	Max	Avg	Min	Max	Avg											
1	Module A v1.0	10	15%	2.0GB	5	10%	1.5s	0.01%	99.9%	100	1000	0.001%	Full	Active	2024-10-27	Pass	2024-10-27	
2	Module B v1.0	15	20%	3.0GB	8	15%	2.0s	0.02%	99.8%	150	1500	0.002%	Full	Active	2024-10-26	Pass	2024-10-26	
3	Module C v1.0	5	10%	1.0GB	3	5%	0.8s	0.005%	99.99%	50	500	0.0005%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
4	Module D v1.0	20	25%	4.0GB	10	20%	2.5s	0.03%	99.7%	200	2000	0.003%	Full	Active	2024-10-25	Pass	2024-10-25	
5	Module E v1.0	12	18%	2.5GB	6	12%	1.8s	0.015%	99.95%	120	1200	0.0015%	Full	Active	2024-10-27	Pass	2024-10-27	
6	Module F v1.0	8	12%	1.5GB	4	8%	1.0s	0.008%	99.98%	80	800	0.0008%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
7	Module G v1.0	18	22%	3.5GB	9	18%	2.2s	0.025%	99.85%	180	1800	0.0025%	Full	Active	2024-10-26	Pass	2024-10-26	
8	Module H v1.0	6	10%	1.2GB	3	6%	0.9s	0.006%	99.97%	60	600	0.0006%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
9	Module I v1.0	22	28%	4.5GB	11	22%	2.8s	0.04%	99.6%	220	2200	0.004%	Full	Active	2024-10-25	Pass	2024-10-25	
10	Module J v1.0	14	19%	2.8GB	7	14%	1.9s	0.018%	99.92%	140	1400	0.0018%	Full	Active	2024-10-27	Pass	2024-10-27	
11	Module K v1.0	9	13%	1.8GB	4	9%	1.1s	0.009%	99.96%	90	900	0.0009%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
12	Module L v1.0	19	24%	3.8GB	10	19%	2.4s	0.035%	99.82%	190	1900	0.0035%	Full	Active	2024-10-26	Pass	2024-10-26	
13	Module M v1.0	7	11%	1.4GB	3	7%	1.0s	0.007%	99.99%	70	700	0.0007%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
14	Module N v1.0	21	26%	4.2GB	11	21%	2.6s	0.038%	99.75%	210	2100	0.0038%	Full	Active	2024-10-25	Pass	2024-10-25	
15	Module O v1.0	11	16%	2.2GB	6	11%	1.6s	0.012%	99.94%	110	1100	0.0012%	Full	Active	2024-10-27	Pass	2024-10-27	
16	Module P v1.0	16	21%	3.2GB	8	16%	2.1s	0.028%	99.88%	160	1600	0.0028%	Full	Active	2024-10-26	Pass	2024-10-26	
17	Module Q v1.0	4	8%	0.8GB	2	4%	0.6s	0.003%	99.999%	40	400	0.0003%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
18	Module R v1.0	24	30%	5.0GB	12	24%	3.0s	0.05%	99.5%	240	2400	0.005%	Full	Active	2024-10-25	Pass	2024-10-25	
19	Module S v1.0	13	17%	2.4GB	7	13%	1.7s	0.016%	99.93%	130	1300	0.0016%	Full	Active	2024-10-27	Pass	2024-10-27	
20	Module T v1.0	17	23%	3.6GB	9	17%	2.3s	0.032%	99.86%	170	1700	0.0032%	Full	Active	2024-10-26	Pass	2024-10-26	
21	Module U v1.0	10	14%	1.9GB	5	10%	1.4s	0.010%	99.97%	100	1000	0.0010%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
22	Module V v1.0	20	25%	4.0GB	10	20%	2.5s	0.030%	99.78%	200	2000	0.0030%	Full	Active	2024-10-25	Pass	2024-10-25	
23	Module W v1.0	8	12%	1.6GB	4	8%	1.1s	0.008%	99.98%	80	800	0.0008%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
24	Module X v1.0	18	22%	3.4GB	9	18%	2.2s	0.026%	99.89%	180	1800	0.0026%	Full	Active	2024-10-26	Pass	2024-10-26	
25	Module Y v1.0	6	10%	1.3GB	3	6%	0.9s	0.006%	99.995%	60	600	0.0006%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
26	Module Z v1.0	23	29%	4.8GB	11	23%	2.9s	0.045%	99.72%	230	2300	0.0045%	Full	Active	2024-10-25	Pass	2024-10-25	
27	Module AA v1.0	14	18%	2.6GB	7	14%	1.8s	0.014%	99.91%	140	1400	0.0014%	Full	Active	2024-10-27	Pass	2024-10-27	
28	Module BB v1.0	9	13%	1.7GB	4	9%	1.2s	0.009%	99.96%	90	900	0.0009%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	
29	Module CC v1.0	19	24%	3.7GB	10	19%	2.4s	0.034%	99.84%	190	1900	0.0034%	Full	Active	2024-10-26	Pass	2024-10-26	
30	Module DD v1.0	7	11%	1.4GB	3	7%	1.0s	0.007%	99.985%	70	700	0.0007%	Full	Active	2024-10-28	Pass	2024-10-28	

Figure 1. The effect of the concentration of the inhibitor on the rate of polymerization of the monomer.

Copyright © 2010 by John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, scanning, or otherwise, except as may be permitted in writing by John Wiley & Sons, Inc. This publication is intended to provide accurate and authoritative information in regard to the subject matter covered. It is sold with the understanding that the publisher is not engaged in rendering legal, accounting, or other professional service. If legal advice or other expert assistance is required, the services of a competent professional person should be sought. This publication is designed to provide accurate and authoritative information in regard to the subject matter covered. It is sold with the understanding that the publisher is not engaged in rendering legal, accounting, or other professional service. If legal advice or other expert assistance is required, the services of a competent professional person should be sought.

It is common for adults living in the home, but not for adults who are employed, to report that if the school counseling's needs it reported, it would help in the home. This is likely due to the fact that the school counseling's needs it reported, it would help in the home.

1000



Life expectancy (years)	
Male	75.4
Female	80.4

[illegible]

© 2000 by the American Psychological Association or one of its allied publishers. This article is intended solely for the personal use of the individual user and is not to be disseminated broadly. This article is intended solely for the personal use of the individual user and is not to be disseminated broadly.



© 2005 by The McGraw-Hill Companies, Inc. All rights reserved. Printed in the United States of America. This book is printed on acid-free paper.

A diagram of a cable with a cross-section showing internal conductors and insulation. The cable is shown at an angle, with a cross-section revealing multiple internal conductors, each surrounded by insulation. The conductors are connected to a common ground or return line.

1. **Introduction**
 2. **Background**
 3. **Methodology**
 4. **Results**
 5. **Conclusion**
 6. **References**
 7. **Appendix**
 8. **Index**
 9. **Table of Contents**
 10. **Summary**
 11. **Abstract**
 12. **Keywords**
 13. **Subject Headings**
 14. **Notes**
 15. **Footnotes**
 16. **References**
 17. **Appendix**
 18. **Index**
 19. **Table of Contents**
 20. **Summary**
 21. **Abstract**
 22. **Keywords**
 23. **Subject Headings**
 24. **Notes**
 25. **Footnotes**
 26. **References**
 27. **Appendix**
 28. **Index**
 29. **Table of Contents**
 30. **Summary**
 31. **Abstract**
 32. **Keywords**
 33. **Subject Headings**
 34. **Notes**
 35. **Footnotes**
 36. **References**
 37. **Appendix**
 38. **Index**
 39. **Table of Contents**
 40. **Summary**
 41. **Abstract**
 42. **Keywords**
 43. **Subject Headings**
 44. **Notes**
 45. **Footnotes**
 46. **References**
 47. **Appendix**
 48. **Index**
 49. **Table of Contents**
 50. **Summary**
 51. **Abstract**
 52. **Keywords**
 53. **Subject Headings**
 54. **Notes**
 55. **Footnotes**
 56. **References**
 57. **Appendix**
 58. **Index**
 59. **Table of Contents**
 60. **Summary**
 61. **Abstract**
 62. **Keywords**
 63. **Subject Headings**
 64. **Notes**
 65. **Footnotes**
 66. **References**
 67. **Appendix**
 68. **Index**
 69. **Table of Contents**
 70. **Summary**
 71. **Abstract**
 72. **Keywords**
 73. **Subject Headings**
 74. **Notes**
 75. **Footnotes**
 76. **References**
 77. **Appendix**
 78. **Index**
 79. **Table of Contents**
 80. **Summary**
 81. **Abstract**
 82. **Keywords**
 83. **Subject Headings**
 84. **Notes**
 85. **Footnotes**
 86. **References**
 87. **Appendix**
 88. **Index**
 89. **Table of Contents**
 90. **Summary**
 91. **Abstract**
 92. **Keywords**
 93. **Subject Headings**
 94. **Notes**
 95. **Footnotes**
 96. **References**
 97. **Appendix**
 98. **Index**
 99. **Table of Contents**
 100. **Summary**
 101. **Abstract**
 102. **Keywords**
 103. **Subject Headings**
 104. **Notes**
 105. **Footnotes**
 106. **References**
 107. **Appendix**
 108. **Index**
 109. **Table of Contents**
 110. **Summary**
 111. **Abstract**
 112. **Keywords**
 113. **Subject Headings**
 114. **Notes**
 115. **Footnotes**
 116. **References**
 117. **Appendix**
 118. **Index**
 119. **Table of Contents**
 120. **Summary**
 121. **Abstract**
 122. **Keywords**
 123. **Subject Headings**
 124. **Notes**
 125. **Footnotes**
 126. **References**
 127. **Appendix**
 128. **Index**
 129. **Table of Contents**
 130. **Summary**
 131. **Abstract**
 132. **Keywords**
 133. **Subject Headings**
 134. **Notes**
 135. **Footnotes**
 136. **References**
 137. **Appendix**
 138. **Index**
 139. **Table of Contents**
 140. **Summary**
 141. **Abstract**
 142. **Keywords**
 143. **Subject Headings**
 144. **Notes**
 145. **Footnotes**
 146. **References**
 147. **Appendix**
 148. **Index**
 149. **Table of Contents**
 150. **Summary**
 151. **Abstract**
 152. **Keywords**
 153. **Subject Headings**
 154. **Notes**
 155. **Footnotes**
 156. **References**
 157. **Appendix**
 158. **Index**
 159. **Table of Contents**
 160. **Summary**
 161. **Abstract**
 162. **Keywords**
 163. **Subject Headings**
 164. **Notes**
 165. **Footnotes**
 166. **References**
 167. **Appendix**
 168. **Index**
 169. **Table of Contents**
 170. **Summary**
 171. **Abstract**
 172. **Keywords**
 173. **Subject Headings**
 174. **Notes**
 175. **Footnotes**
 176. **References**
 177. **Appendix**
 178. **Index**
 179. **Table of Contents**
 180. **Summary**
 181. **Abstract**
 182. **Keywords**
 183. **Subject Headings**
 184. **Notes**
 185. **Footnotes**
 186. **References**
 187. **Appendix**
 188. **Index**
 189. **Table of Contents**
 190. **Summary**
 191. **Abstract**
 192. **Keywords**
 193. **Subject Headings**
 194. **Notes**
 195. **Footnotes**
 196. **References**
 197. **Appendix**
 198. **Index**
 199. **Table of Contents**
 200. **Summary**
 201. **Abstract**
 202. **Keywords**
 203. **Subject Headings**
 204. **Notes**
 205. **Footnotes**
 206. **References**
 207. **Appendix**
 208. **Index**
 209. **Table of Contents**
 210. **Summary**
 211. **Abstract**
 212. **Keywords**
 213. **Subject Headings**
 214. **Notes**
 215. **Footnotes**
 216. **References**
 217. **Appendix**
 218. **Index**
 219. **Table of Contents**
 220. **Summary**
 221. **Abstract**
 222. **Keywords**
 223. **Subject Headings**
 224. **Notes**
 225. **Footnotes**
 226. **References**
 227. **Appendix**
 228. **Index**
 229. **Table of Contents**
 230. **Summary**
 231. **Abstract**
 232. **Keywords**
 233. **Subject Headings**
 234. **Notes**
 235. **Footnotes**
 236. **References**
 237. **Appendix**
 238. **Index**
 239. **Table of Contents**
 240. **Summary**
 241. **Abstract**
 242. **Keywords**
 243. **Subject Headings**
 244. **Notes**
 245. **Footnotes**
 246. **References**
 247. **Appendix**
 248. **Index**
 249. **Table of Contents**
 250. **Summary**
 251. **Abstract**
 252. **Keywords**
 253. **Subject Headings**
 2

[illegible]



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110



1. The first step in the process is to identify the problem or issue that needs to be addressed. This involves gathering information and understanding the context of the problem.



Copyright © 2004 John Wiley & Sons, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, scanning, or otherwise, except as may be permitted in writing by John Wiley & Sons, Inc. This publication is intended to provide accurate and authoritative information in regard to the subject matter covered. It is sold with the understanding that the publisher is not engaged in rendering legal, accounting, or other professional service. If legal advice or other expert assistance is required, the services of a competent professional person should be sought.

© 2011 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 270: 353–362



For more information on the various types of business insurance, visit www.aaupractice.com or call 800-447-2222.

[illegible]



100%



Participants were asked to complete the following questions on a scale of 1 (strongly agree) to 5 (strongly disagree):
 "I believe in the effectiveness of the intervention" and "I believe in the effectiveness of the intervention."
 The following questions were asked: "I believe in the effectiveness of the intervention" and "I believe in the effectiveness of the intervention."



***This article is based on a limited number of interviews. It is not intended to be a general statement.**





CẤP ĐIỆN 4 CẤP CÔNG SUẤT BẢO VỆ QUẢN LÝ CÔNG SUẤT ĐIỆN - CẤP ĐIỆN PHỤ CỤC SẠCH

4 cấp điện áp trung gian của trạm biến áp trung gian - CẤP ĐIỆN PHỤ CỤC SẠCH

Tên chuẩn và định lượng của chuẩn: TCVN 6000 (ISO 6000-0)

ĐIỀU KIỆN 1: Trạm biến áp trung gian



- 1. Cấp điện áp trung gian: 10kV/15kV/20kV/25kV/30kV
- 2. Cấp điện áp trung gian: 10kV/15kV/20kV/25kV/30kV
- 3. Cấp điện áp trung gian: 10kV/15kV/20kV/25kV/30kV
- 4. Cấp điện áp trung gian: 10kV/15kV/20kV/25kV/30kV
- 5. Cấp điện áp trung gian: 10kV/15kV/20kV/25kV/30kV

Tên và mã của trạm biến áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian
Tên và mã của trạm biến áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian	Cấp điện áp trung gian
10kV	1	10kV	10	10kV	10	10kV	10
15kV	1	15kV	15	15kV	15	15kV	15
20kV	1	20kV	20	20kV	20	20kV	20
25kV	1	25kV	25	25kV	25	25kV	25
30kV	1	30kV	30	30kV	30	30kV	30
10kV	1	10kV	10	10kV	10	10kV	10
15kV	1	15kV	15	15kV	15	15kV	15
20kV	1	20kV	20	20kV	20	20kV	20
25kV	1	25kV	25	25kV	25	25kV	25
30kV	1	30kV	30	30kV	30	30kV	30
10kV	1	10kV	10	10kV	10	10kV	10
15kV	1	15kV	15	15kV	15	15kV	15
20kV	1	20kV	20	20kV	20	20kV	20
25kV	1	25kV	25	25kV	25	25kV	25
30kV	1	30kV	30	30kV	30	30kV	30
10kV	1	10kV	10	10kV	10	10kV	10
15kV	1	15kV	15	15kV	15	15kV	15
20kV	1	20kV	20	20kV	20	20kV	20
25kV	1	25kV	25	25kV	25	25kV	25
30kV	1	30kV	30	30kV	30	30kV	30
10kV	1	10kV	10	10kV	10	10kV	10
15kV	1	15kV	15	15kV	15	15kV	15
20kV	1	20kV	20	20kV	20	20kV	20
25kV	1	25kV	25	25kV	25	25kV	25
30kV	1	30kV	30	30kV	30	30kV	30
10kV	1	10kV	10	10kV	10	10kV	10
15kV	1	15kV	15	15kV	15	15kV	15
20kV	1	20kV	20	20kV	20	20kV	20
25kV	1	25kV	25	25kV	25	25kV	25
30kV	1	30kV	30	30kV	30	30kV	30

Phụ lục 1: Bảng mã của các trạm biến áp trung gian và các trạm biến áp trung gian.

Phụ lục 2: Bảng mã của các trạm biến áp trung gian và các trạm biến áp trung gian.

Phụ lục 3: Bảng mã của các trạm biến áp trung gian và các trạm biến áp trung gian.

Phụ lục 4: Bảng mã của các trạm biến áp trung gian và các trạm biến áp trung gian.



© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM (viết tắt: **ĐKVN**) là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác và vận chuyển dầu khí, cung cấp năng lượng cho các ngành công nghiệp và dân sinh. Công ty được thành lập vào năm 1993 và hiện nay đang hoạt động trên toàn quốc.

ĐKVN - Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam



- 1. Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam
- 2. Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam
- 3. Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam
- 4. Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam
- 5. Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam
- 6. Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam

STT	Tên công ty	Thông tin chung				Thông tin tài chính		Thông tin nhân sự		Thông tin khác		STT
		Mã số thuế	Địa chỉ	Số vốn	Số vốn thực	Số nhân viên	Số nhân viên thực	Số tài khoản	Số tài khoản thực			
1	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1	
2	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	2	
3	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	3	
4	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	4	
5	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	5	
6	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	6	
7	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	7	
8	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	8	
9	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	9	
10	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	10	
11	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	11	
12	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	12	
13	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	13	
14	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	14	
15	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	15	
16	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	16	
17	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	17	
18	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	18	
19	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	19	
20	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	20	
21	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	21	
22	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	22	
23	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	23	
24	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	24	
25	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	25	
26	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	26	
27	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	27	
28	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	28	
29	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	29	
30	CÔNG TY DẦU VÀ KHÍ ĐIỆN VIỆT NAM	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	1000000000	30	

Thông tin chi tiết về Công ty Dầu và Khí Điện Việt Nam
 Công ty được thành lập vào năm 1993 và hiện nay đang hoạt động trên toàn quốc. Công ty có vốn đầu tư ban đầu là 1000 tỷ đồng và hiện nay đã đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực khai thác và vận chuyển dầu khí.



CAN WIRE SPECIFIC (CAN-SPC) - AL/PVC

AL/PVC INSULATED ALUMINUM WIRE - AL/PVC

FOR USE IN BUS / APPLICATIONS TO THE IEC, BS, VDE

TABLE 2 - Dimensions



1: ALUMINUM CONDUCTOR
2: PVC INSULATION

3: WIRE DIAMETER
mm

Wire Size	Wire Structure		Stranded Wire Structure		Stranded Wire Structure	Wire Structure & Dimensions		Wire Size
	Wire Structure	Stranded Wire Structure	Wire Structure	Stranded Wire Structure	Stranded Wire Structure	Wire Structure	Wire Structure	
mm ²	Wire Structure	Stranded Wire Structure	Wire Structure	Stranded Wire Structure	Stranded Wire Structure	Wire Structure	Wire Structure	mm ²
1.5	1/1.5	1/1.5	1/1.5	1/1.5	1/1.5	1/1.5	1/1.5	1.5
2.5	1/1.6	1/1.6	1/1.6	1/1.6	1/1.6	1/1.6	1/1.6	2.5
4	1/1.7	1/1.7	1/1.7	1/1.7	1/1.7	1/1.7	1/1.7	4
6	1/1.8	1/1.8	1/1.8	1/1.8	1/1.8	1/1.8	1/1.8	6
10	1/1.9	1/1.9	1/1.9	1/1.9	1/1.9	1/1.9	1/1.9	10
16	1/2.0	1/2.0	1/2.0	1/2.0	1/2.0	1/2.0	1/2.0	16
25	1/2.1	1/2.1	1/2.1	1/2.1	1/2.1	1/2.1	1/2.1	25
35	1/2.2	1/2.2	1/2.2	1/2.2	1/2.2	1/2.2	1/2.2	35
50	1/2.3	1/2.3	1/2.3	1/2.3	1/2.3	1/2.3	1/2.3	50
70	1/2.4	1/2.4	1/2.4	1/2.4	1/2.4	1/2.4	1/2.4	70
95	1/2.5	1/2.5	1/2.5	1/2.5	1/2.5	1/2.5	1/2.5	95
120	1/2.6	1/2.6	1/2.6	1/2.6	1/2.6	1/2.6	1/2.6	120
150	1/2.7	1/2.7	1/2.7	1/2.7	1/2.7	1/2.7	1/2.7	150
185	1/2.8	1/2.8	1/2.8	1/2.8	1/2.8	1/2.8	1/2.8	185
240	1/2.9	1/2.9	1/2.9	1/2.9	1/2.9	1/2.9	1/2.9	240
300	1/3.0	1/3.0	1/3.0	1/3.0	1/3.0	1/3.0	1/3.0	300
350	1/3.1	1/3.1	1/3.1	1/3.1	1/3.1	1/3.1	1/3.1	350
400	1/3.2	1/3.2	1/3.2	1/3.2	1/3.2	1/3.2	1/3.2	400

Notes: 1. All dimensions are in mm. 2. All dimensions are in mm. 3. All dimensions are in mm. 4. All dimensions are in mm.

5. All dimensions are in mm. 6. All dimensions are in mm. 7. All dimensions are in mm. 8. All dimensions are in mm.



CÁI VÀNH VÀ CÁI CHÉP

Aluminium conductors (AAC, AAAC)

Tên chuẩn và định lượng theo chuẩn TCVN 5842:1995 và TCVN 5843:1995

Unit: mm, kg/km, mm²



Cái Vành - Single-core

Cái Chép - Multi-core

Tên sản phẩm (Product Name)	Thông số kỹ thuật (Technical Specs)		Mã sản phẩm (Product Code)	Đơn vị tính (Unit)	Thông số định mức (Nominal Values)			Đơn vị tính (Unit)	Giá bán lẻ (Retail Price)
	Đường kính (Diameter)	Đường kính (Diameter)			mm ² (mm ²)	kg/km (kg/km)	mm ² (mm ²)		
AAC-1	10.0	10.0	AAC-1	1	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
AAC-2	12.0	12.0	AAC-2	1	12.0	12.0	12.0	12.0	12.0
AAC-3	14.0	14.0	AAC-3	1	14.0	14.0	14.0	14.0	14.0
AAC-4	16.0	16.0	AAC-4	1	16.0	16.0	16.0	16.0	16.0
AAC-5	18.0	18.0	AAC-5	1	18.0	18.0	18.0	18.0	18.0
AAC-6	20.0	20.0	AAC-6	1	20.0	20.0	20.0	20.0	20.0
AAC-7	22.0	22.0	AAC-7	1	22.0	22.0	22.0	22.0	22.0
AAC-8	24.0	24.0	AAC-8	1	24.0	24.0	24.0	24.0	24.0
AAC-9	26.0	26.0	AAC-9	1	26.0	26.0	26.0	26.0	26.0
AAC-10	28.0	28.0	AAC-10	1	28.0	28.0	28.0	28.0	28.0
AAC-11	30.0	30.0	AAC-11	1	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0
AAC-12	32.0	32.0	AAC-12	1	32.0	32.0	32.0	32.0	32.0
AAC-13	34.0	34.0	AAC-13	1	34.0	34.0	34.0	34.0	34.0
AAC-14	36.0	36.0	AAC-14	1	36.0	36.0	36.0	36.0	36.0
AAC-15	38.0	38.0	AAC-15	1	38.0	38.0	38.0	38.0	38.0
AAC-16	40.0	40.0	AAC-16	1	40.0	40.0	40.0	40.0	40.0
AAC-17	42.0	42.0	AAC-17	1	42.0	42.0	42.0	42.0	42.0
AAC-18	44.0	44.0	AAC-18	1	44.0	44.0	44.0	44.0	44.0
AAC-19	46.0	46.0	AAC-19	1	46.0	46.0	46.0	46.0	46.0
AAC-20	48.0	48.0	AAC-20	1	48.0	48.0	48.0	48.0	48.0
AAC-21	50.0	50.0	AAC-21	1	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
AAC-22	52.0	52.0	AAC-22	1	52.0	52.0	52.0	52.0	52.0
AAC-23	54.0	54.0	AAC-23	1	54.0	54.0	54.0	54.0	54.0
AAC-24	56.0	56.0	AAC-24	1	56.0	56.0	56.0	56.0	56.0
AAC-25	58.0	58.0	AAC-25	1	58.0	58.0	58.0	58.0	58.0
AAC-26	60.0	60.0	AAC-26	1	60.0	60.0	60.0	60.0	60.0
AAC-27	62.0	62.0	AAC-27	1	62.0	62.0	62.0	62.0	62.0
AAC-28	64.0	64.0	AAC-28	1	64.0	64.0	64.0	64.0	64.0
AAC-29	66.0	66.0	AAC-29	1	66.0	66.0	66.0	66.0	66.0
AAC-30	68.0	68.0	AAC-30	1	68.0	68.0	68.0	68.0	68.0
AAC-31	70.0	70.0	AAC-31	1	70.0	70.0	70.0	70.0	70.0
AAC-32	72.0	72.0	AAC-32	1	72.0	72.0	72.0	72.0	72.0
AAC-33	74.0	74.0	AAC-33	1	74.0	74.0	74.0	74.0	74.0
AAC-34	76.0	76.0	AAC-34	1	76.0	76.0	76.0	76.0	76.0
AAC-35	78.0	78.0	AAC-35	1	78.0	78.0	78.0	78.0	78.0
AAC-36	80.0	80.0	AAC-36	1	80.0	80.0	80.0	80.0	80.0
AAC-37	82.0	82.0	AAC-37	1	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0
AAC-38	84.0	84.0	AAC-38	1	84.0	84.0	84.0	84.0	84.0
AAC-39	86.0	86.0	AAC-39	1	86.0	86.0	86.0	86.0	86.0
AAC-40	88.0	88.0	AAC-40	1	88.0	88.0	88.0	88.0	88.0
AAC-41	90.0	90.0	AAC-41	1	90.0	90.0	90.0	90.0	90.0
AAC-42	92.0	92.0	AAC-42	1	92.0	92.0	92.0	92.0	92.0
AAC-43	94.0	94.0	AAC-43	1	94.0	94.0	94.0	94.0	94.0
AAC-44	96.0	96.0	AAC-44	1	96.0	96.0	96.0	96.0	96.0
AAC-45	98.0	98.0	AAC-45	1	98.0	98.0	98.0	98.0	98.0
AAC-46	100.0	100.0	AAC-46	1	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
AAC-47	102.0	102.0	AAC-47	1	102.0	102.0	102.0	102.0	102.0
AAC-48	104.0	104.0	AAC-48	1	104.0	104.0	104.0	104.0	104.0
AAC-49	106.0	106.0	AAC-49	1	106.0	106.0	106.0	106.0	106.0
AAC-50	108.0	108.0	AAC-50	1	108.0	108.0	108.0	108.0	108.0
AAC-51	110.0	110.0	AAC-51	1	110.0	110.0	110.0	110.0	110.0
AAC-52	112.0	112.0	AAC-52	1	112.0	112.0	112.0	112.0	112.0
AAC-53	114.0	114.0	AAC-53	1	114.0	114.0	114.0	114.0	114.0
AAC-54	116.0	116.0	AAC-54	1	116.0	116.0	116.0	116.0	116.0
AAC-55	118.0	118.0	AAC-55	1	118.0	118.0	118.0	118.0	118.0
AAC-56	120.0	120.0	AAC-56	1	120.0	120.0	120.0	120.0	120.0
AAC-57	122.0	122.0	AAC-57	1	122.0	122.0	122.0	122.0	122.0
AAC-58	124.0	124.0	AAC-58	1	124.0	124.0	124.0	124.0	124.0
AAC-59	126.0	126.0	AAC-59	1	126.0	126.0	126.0	126.0	126.0
AAC-60	128.0	128.0	AAC-60	1	128.0	128.0	128.0	128.0	128.0
AAC-61	130.0	130.0	AAC-61	1	130.0	130.0	130.0	130.0	130.0
AAC-62	132.0	132.0	AAC-62	1	132.0	132.0	132.0	132.0	132.0
AAC-63	134.0	134.0	AAC-63	1	134.0	134.0	134.0	134.0	134.0
AAC-64	136.0	136.0	AAC-64	1	136.0	136.0	136.0	136.0	136.0
AAC-65	138.0	138.0	AAC-65	1	138.0	138.0	138.0	138.0	138.0
AAC-66	140.0	140.0	AAC-66	1	140.0	140.0	140.0	140.0	140.0
AAC-67	142.0	142.0	AAC-67	1	142.0	142.0	142.0	142.0	142.0
AAC-68	144.0	144.0	AAC-68	1	144.0	144.0	144.0	144.0	144.0
AAC-69	146.0	146.0	AAC-69	1	146.0	146.0	146.0	146.0	146.0
AAC-70	148.0	148.0	AAC-70	1	148.0	148.0	148.0	148.0	148.0
AAC-71	150.0	150.0	AAC-71	1	150.0	150.0	150.0	150.0	150.0
AAC-72	152.0	152.0	AAC-72	1	152.0	152.0	152.0	152.0	152.0
AAC-73	154.0	154.0	AAC-73	1	154.0	154.0	154.0	154.0	154.0
AAC-74	156.0	156.0	AAC-74	1	156.0	156.0	156.0	156.0	156.0
AAC-75	158.0	158.0	AAC-75	1	158.0	158.0	158.0	158.0	158.0
AAC-76	160.0	160.0	AAC-76	1	160.0	160.0	160.0	160.0	160.0
AAC-77	162.0	162.0	AAC-77	1	162.0	162.0	162.0	162.0	162.0
AAC-78	164.0	164.0	AAC-78	1	164.0	164.0	164.0	164.0	164.0
AAC-79	166.0	166.0	AAC-79	1	166.0	166.0	166.0	166.0	166.0
AAC-80	168.0	168.0	AAC-80	1	168.0	168.0	168.0	168.0	168.0
AAC-81	170.0	170.0	AAC-81	1	170.0	170.0	170.0	170.0	170.0
AAC-82	172.0	172.0	AAC-82	1	172.0	172.0	172.0	172.0	172.0
AAC-83	174.0	174.0	AAC-83	1	174.0	174.0	174.0	174.0	174.0
AAC-84	176.0	176.0	AAC-84	1	176.0	176.0	176.0	176.0	176.0
AAC-85	178.0	178.0	AAC-85	1	178.0	178.0	178.0	178.0	178.0
AAC-86	180.0	180.0	AAC-86	1	180.0	180.0	180.0	180.0	180.0
AAC-87	182.0	182.0	AAC-87	1	182.0	182.0	182.0	182.0	182.0
AAC-88	184.0	184.0	AAC-88	1	184.0	184.0	184.0	184.0	184.0
AAC-89	186.0	186.0	AAC-89	1	186.0	186.0	186.0	186.0	186.0
AAC-90	188.0	188.0	AAC-90	1	188.0	188.0	188.0	188.0	188.0
AAC-91	190.0	190.0	AAC-91	1	190.0	190.0	190.0	190.0	190.0
AAC-92	192.0	192.0	AAC-92	1	192.0	192.0	192.0	192.0	192.0
AAC-93	194.0	194.0	AAC-93	1	194.0	194.0	194.0	194.0	194.0
AAC-94	196.0	196.0	AAC-94	1	196.0	196.0	196.0	196.0	196.0
AAC-95	198.0	198.0	AAC-95	1	198.0	198.0	198.0	198.0	198.0
AAC-96	200.0	200.0	AAC-96	1	200.0	200.0	200.0	200.0	200.0
AAC-97	202.0	202.0	AAC-97	1	202.0	202.0	202.0	202.0	202.0
AAC-98	204.0	204.0	AAC-98	1	204.0	204.0	204.0	204.0	204.0
AAC-99	206.0	206.0	AAC-99	1	206.0	206.0	206.0	206.0	206.0
AAC-100	208.0	208.0	AAC-100	1	208.0	208.0	208.0	208.0	208.0
AAC-101	210.0	210.0	AAC-101	1	210.0	210.0	210.0	210.0	210.0
AAC-102	212.0	212.0	AAC-102	1	212.0	212.0	212.0	212.0	212.0
AAC-103	214.0	214.0	AAC-103	1	214.0	214.0	214.0	214.0	214.0
AAC-104	216.0	216.0	AAC-104	1	216.0	216.0	216.0	216.0	216.0
AAC-105	218.0	218.0	AAC-105	1	218.0	218.0	218.0	218.0	218.0
AAC-106	220.0	220.0	AAC-106	1	220.0	220.0	220.0	220.0	220.0
AAC-107	222.0	222.0	AAC-107	1	222.0	222.0	222.0	222.0	222.0
AAC-108	224.0	224.0	AAC-108	1	224.0	224.0	224.0	224.0	224.0
AAC-109	226.0	226.0	AAC-109	1	226.0	226.0	226.0	226.0	226.0
AAC-110	228.0	228.0	AAC-110	1	228.0	228.0	228.0	228.0	228.0
AAC-111	230.0	230.0	AAC-111	1	230.0	230.0	230.0	230.0	230.0
AAC-112	232.0	232.0	AAC-112	1	232.0	232.0	232.0	232.0	232.0
AAC-113	234.0	234.0	AAC-113	1	234.0	234.0	234.0	234.0	234.0
AAC-114	236.0	236.0	AAC-114	1	236.0	236.0	236.0	236.0	236.0
AAC-115	238.0	238.0	AAC-115	1	238.0	238.0	238.0	238.0	238.0
AAC-116	240.0	240.0	AAC-116	1	240.0	240.0	240.0	240.0	240.0
AAC-117	242.0	242.0	AAC-117	1	242.0	242.0	242.0	242.0	242.0
AAC-118	244.0	244.0	AAC-118	1	244.0	244.0	244.0	244.0	244.0
AAC-119	246.0	246.0	AAC-119	1	246.0	246.0	246.0	246.0	246.0
AAC-120	248.0	248.0	AAC-120	1	248.0	248.0	248.0	248.0	248.0
AAC-121	250.0	250.0	AAC-121	1	250.0	250.0	250.0	250.0	250.0
AAC-122	252.0	252.0	AAC-122	1	252.0	252.0	252.0	252.0	252.0
AAC-123	254.0	254.0	AAC-123	1	254.0	254.0	254.0	254.0	254.0
AAC-124	256.0								



纜線標準規格表(部分) 電線-AL/PVC

AL/PVC Insulated/Unshielded Conductor Steel Reinforced Cable-AL/PVC

鋼線加強電纜-AL/PVC 絕緣/不屏蔽導體鋼線加強電纜

單位單位: Centimeters



1. Insulated Conductor
 2. Steel Reinforced
 3. Polyvinyl Chloride (PVC)

1. 絕緣導體
 2. 鋼線加強
 3. PVC

Cable Size 規格	Nominal Area 公稱面積		Insulating Cable Sheath Area 絕緣電纜外皮面積	Nominal Cable Size 公稱電纜規格	Insulating Sheath Area 絕緣外皮面積	Weight (kg/m) & Tensile Strength (kN/cm²)		Tensile Strength 抗拉強度
	mm² (mm)	mm² (mm)				kg/m (mm)	kg/m (mm)	
AL/PVC-1	10.0	10.0	10	10	10	1.00	1.00	100.0
AL/PVC-2	16.0	16.0	16	16	16	1.60	1.60	160.0
AL/PVC-3	25.0	25.0	25	25	25	2.50	2.50	250.0
AL/PVC-4	35.0	35.0	35	35	35	3.50	3.50	350.0
AL/PVC-5	45.0	45.0	45	45	45	4.50	4.50	450.0
AL/PVC-6	55.0	55.0	55	55	55	5.50	5.50	550.0
AL/PVC-7	65.0	65.0	65	65	65	6.50	6.50	650.0
AL/PVC-8	75.0	75.0	75	75	75	7.50	7.50	750.0
AL/PVC-9	85.0	85.0	85	85	85	8.50	8.50	850.0
AL/PVC-10	95.0	95.0	95	95	95	9.50	9.50	950.0
AL/PVC-11	105.0	105.0	105	105	105	10.50	10.50	1050.0
AL/PVC-12	115.0	115.0	115	115	115	11.50	11.50	1150.0
AL/PVC-13	125.0	125.0	125	125	125	12.50	12.50	1250.0
AL/PVC-14	135.0	135.0	135	135	135	13.50	13.50	1350.0
AL/PVC-15	145.0	145.0	145	145	145	14.50	14.50	1450.0
AL/PVC-16	155.0	155.0	155	155	155	15.50	15.50	1550.0
AL/PVC-17	165.0	165.0	165	165	165	16.50	16.50	1650.0
AL/PVC-18	175.0	175.0	175	175	175	17.50	17.50	1750.0
AL/PVC-19	185.0	185.0	185	185	185	18.50	18.50	1850.0
AL/PVC-20	195.0	195.0	195	195	195	19.50	19.50	1950.0
AL/PVC-21	205.0	205.0	205	205	205	20.50	20.50	2050.0
AL/PVC-22	215.0	215.0	215	215	215	21.50	21.50	2150.0
AL/PVC-23	225.0	225.0	225	225	225	22.50	22.50	2250.0
AL/PVC-24	235.0	235.0	235	235	235	23.50	23.50	2350.0
AL/PVC-25	245.0	245.0	245	245	245	24.50	24.50	2450.0
AL/PVC-26	255.0	255.0	255	255	255	25.50	25.50	2550.0
AL/PVC-27	265.0	265.0	265	265	265	26.50	26.50	2650.0
AL/PVC-28	275.0	275.0	275	275	275	27.50	27.50	2750.0
AL/PVC-29	285.0	285.0	285	285	285	28.50	28.50	2850.0
AL/PVC-30	295.0	295.0	295	295	295	29.50	29.50	2950.0
AL/PVC-31	305.0	305.0	305	305	305	30.50	30.50	3050.0
AL/PVC-32	315.0	315.0	315	315	315	31.50	31.50	3150.0
AL/PVC-33	325.0	325.0	325	325	325	32.50	32.50	3250.0
AL/PVC-34	335.0	335.0	335	335	335	33.50	33.50	3350.0
AL/PVC-35	345.0	345.0	345	345	345	34.50	34.50	3450.0
AL/PVC-36	355.0	355.0	355	355	355	35.50	35.50	3550.0
AL/PVC-37	365.0	365.0	365	365	365	36.50	36.50	3650.0
AL/PVC-38	375.0	375.0	375	375	375	37.50	37.50	3750.0
AL/PVC-39	385.0	385.0	385	385	385	38.50	38.50	3850.0
AL/PVC-40	395.0	395.0	395	395	395	39.50	39.50	3950.0
AL/PVC-41	405.0	405.0	405	405	405	40.50	40.50	4050.0
AL/PVC-42	415.0	415.0	415	415	415	41.50	41.50	4150.0
AL/PVC-43	425.0	425.0	425	425	425	42.50	42.50	4250.0
AL/PVC-44	435.0	435.0	435	435	435	43.50	43.50	4350.0
AL/PVC-45	445.0	445.0	445	445	445	44.50	44.50	4450.0
AL/PVC-46	455.0	455.0	455	455	455	45.50	45.50	4550.0
AL/PVC-47	465.0	465.0	465	465	465	46.50	46.50	4650.0
AL/PVC-48	475.0	475.0	475	475	475	47.50	47.50	4750.0
AL/PVC-49	485.0	485.0	485	485	485	48.50	48.50	4850.0
AL/PVC-50	495.0	495.0	495	495	495	49.50	49.50	4950.0
AL/PVC-51	505.0	505.0	505	505	505	50.50	50.50	5050.0
AL/PVC-52	515.0	515.0	515	515	515	51.50	51.50	5150.0
AL/PVC-53	525.0	525.0	525	525	525	52.50	52.50	5250.0
AL/PVC-54	535.0	535.0	535	535	535	53.50	53.50	5350.0
AL/PVC-55	545.0	545.0	545	545	545	54.50	54.50	5450.0
AL/PVC-56	555.0	555.0	555	555	555	55.50	55.50	5550.0
AL/PVC-57	565.0	565.0	565	565	565	56.50	56.50	5650.0
AL/PVC-58	575.0	575.0	575	575	575	57.50	57.50	5750.0
AL/PVC-59	585.0	585.0	585	585	585	58.50	58.50	5850.0
AL/PVC-60	595.0	595.0	595	595	595	59.50	59.50	5950.0
AL/PVC-61	605.0	605.0	605	605	605	60.50	60.50	6050.0
AL/PVC-62	615.0	615.0	615	615	615	61.50	61.50	6150.0
AL/PVC-63	625.0	625.0	625	625	625	62.50	62.50	6250.0
AL/PVC-64	635.0	635.0	635	635	635	63.50	63.50	6350.0
AL/PVC-65	645.0	645.0	645	645	645	64.50	64.50	6450.0
AL/PVC-66	655.0	655.0	655	655	655	65.50	65.50	6550.0
AL/PVC-67	665.0	665.0	665	665	665	66.50	66.50	6650.0
AL/PVC-68	675.0	675.0	675	675	675	67.50	67.50	6750.0
AL/PVC-69	685.0	685.0	685	685	685	68.50	68.50	6850.0
AL/PVC-70	695.0	695.0	695	695	695	69.50	69.50	6950.0
AL/PVC-71	705.0	705.0	705	705	705	70.50	70.50	7050.0
AL/PVC-72	715.0	715.0	715	715	715	71.50	71.50	7150.0
AL/PVC-73	725.0	725.0	725	725	725	72.50	72.50	7250.0
AL/PVC-74	735.0	735.0	735	735	735	73.50	73.50	7350.0
AL/PVC-75	745.0	745.0	745	745	745	74.50	74.50	7450.0
AL/PVC-76	755.0	755.0	755	755	755	75.50	75.50	7550.0
AL/PVC-77	765.0	765.0	765	765	765	76.50	76.50	7650.0
AL/PVC-78	775.0	775.0	775	775	775	77.50	77.50	7750.0
AL/PVC-79	785.0	785.0	785	785	785	78.50	78.50	7850.0
AL/PVC-80	795.0	795.0	795	795	795	79.50	79.50	7950.0
AL/PVC-81	805.0	805.0	805	805	805	80.50	80.50	8050.0
AL/PVC-82	815.0	815.0	815	815	815	81.50	81.50	8150.0
AL/PVC-83	825.0	825.0	825	825	825	82.50	82.50	8250.0
AL/PVC-84	835.0	835.0	835	835	835	83.50	83.50	8350.0
AL/PVC-85	845.0	845.0	845	845	845	84.50	84.50	8450.0
AL/PVC-86	855.0	855.0	855	855	855	85.50	85.50	8550.0
AL/PVC-87	865.0	865.0	865	865	865	86.50	86.50	8650.0
AL/PVC-88	875.0	875.0	875	875	875	87.50	87.50	8750.0
AL/PVC-89	885.0	885.0	885	885	885	88.50	88.50	8850.0
AL/PVC-90	895.0	895.0	895	895	895	89.50	89.50	8950.0
AL/PVC-91	905.0	905.0	905	905	905	90.50	90.50	9050.0
AL/PVC-92	915.0	915.0	915	915	915	91.50	91.50	9150.0
AL/PVC-93	925.0	925.0	925	925	925	92.50	92.50	9250.0
AL/PVC-94	935.0	935.0	935	935	935	93.50	93.50	9350.0
AL/PVC-95	945.0	945.0	945	945	945	94.50	94.50	9450.0
AL/PVC-96	955.0	955.0	955	955	955	95.50	95.50	9550.0
AL/PVC-97	965.0	965.0	965	965	965	96.50	96.50	9650.0
AL/PVC-98	975.0	975.0	975	975	975	97.50	97.50	9750.0
AL/PVC-99	985.0	985.0	985	985	985	98.50	98.50	9850.0
AL/PVC-100	995.0	995.0	995	995	995	99.50	99.50	9950.0

Notes: 1. Cable size is given in mm. 2. Cable size is given in mm. 3. Cable size is given in mm. 4. Cable size is given in mm.

5. Cable size is given in mm. 6. Cable size is given in mm. 7. Cable size is given in mm. 8. Cable size is given in mm.



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

[illegible]





CÁP NGUYỄN D'VỚI CỎ HOẶC KHÔNG CỎ THEO THIẾT (V), CÁCH ĐIỆN XLPE - NGUYỄN D'VỚI - ALUMINUM (V) - ALUMINUM (V) - ALUMINUM (V) - ALUMINUM (V)

2.000V, 2.500V, 3.000V, 3.300V, 3.600V, 3.900V, 4.200V, 4.500V, 4.800V, 5.100V, 5.400V, 5.700V, 6.000V, 6.300V, 6.600V, 6.900V, 7.200V, 7.500V, 7.800V, 8.100V, 8.400V, 8.700V, 9.000V, 9.300V, 9.600V, 9.900V, 10.200V, 10.500V, 10.800V, 11.100V, 11.400V, 11.700V, 12.000V, 12.300V, 12.600V, 12.900V, 13.200V, 13.500V, 13.800V, 14.100V, 14.400V, 14.700V, 15.000V, 15.300V, 15.600V, 15.900V, 16.200V, 16.500V, 16.800V, 17.100V, 17.400V, 17.700V, 18.000V, 18.300V, 18.600V, 18.900V, 19.200V, 19.500V, 19.800V, 20.100V, 20.400V, 20.700V, 21.000V, 21.300V, 21.600V, 21.900V, 22.200V, 22.500V, 22.800V, 23.100V, 23.400V, 23.700V, 24.000V, 24.300V, 24.600V, 24.900V, 25.200V, 25.500V, 25.800V, 26.100V, 26.400V, 26.700V, 27.000V, 27.300V, 27.600V, 27.900V, 28.200V, 28.500V, 28.800V, 29.100V, 29.400V, 29.700V, 30.000V, 30.300V, 30.600V, 30.900V, 31.200V, 31.500V, 31.800V, 32.100V, 32.400V, 32.700V, 33.000V, 33.300V, 33.600V, 33.900V, 34.200V, 34.500V, 34.800V, 35.100V, 35.400V, 35.700V, 36.000V, 36.300V, 36.600V, 36.900V, 37.200V, 37.500V, 37.800V, 38.100V, 38.400V, 38.700V, 39.000V, 39.300V, 39.600V, 39.900V, 40.200V, 40.500V, 40.800V, 41.100V, 41.400V, 41.700V, 42.000V, 42.300V, 42.600V, 42.900V, 43.200V, 43.500V, 43.800V, 44.100V, 44.400V, 44.700V, 45.000V, 45.300V, 45.600V, 45.900V, 46.200V, 46.500V, 46.800V, 47.100V, 47.400V, 47.700V, 48.000V, 48.300V, 48.600V, 48.900V, 49.200V, 49.500V, 49.800V, 50.100V, 50.400V, 50.700V, 51.000V, 51.300V, 51.600V, 51.900V, 52.200V, 52.500V, 52.800V, 53.100V, 53.400V, 53.700V, 54.000V, 54.300V, 54.600V, 54.900V, 55.200V, 55.500V, 55.800V, 56.100V, 56.400V, 56.700V, 57.000V, 57.300V, 57.600V, 57.900V, 58.200V, 58.500V, 58.800V, 59.100V, 59.400V, 59.700V, 60.000V, 60.300V, 60.600V, 60.900V, 61.200V, 61.500V, 61.800V, 62.100V, 62.400V, 62.700V, 63.000V, 63.300V, 63.600V, 63.900V, 64.200V, 64.500V, 64.800V, 65.100V, 65.400V, 65.700V, 66.000V, 66.300V, 66.600V, 66.900V, 67.200V, 67.500V, 67.800V, 68.100V, 68.400V, 68.700V, 69.000V, 69.300V, 69.600V, 69.900V, 70.200V, 70.500V, 70.800V, 71.100V, 71.400V, 71.700V, 72.000V, 72.300V, 72.600V, 72.900V, 73.200V, 73.500V, 73.800V, 74.100V, 74.400V, 74.700V, 75.000V, 75.300V, 75.600V, 75.900V, 76.200V, 76.500V, 76.800V, 77.100V, 77.400V, 77.700V, 78.000V, 78.300V, 78.600V, 78.900V, 79.200V, 79.500V, 79.800V, 80.100V, 80.400V, 80.700V, 81.000V, 81.300V, 81.600V, 81.900V, 82.200V, 82.500V, 82.800V, 83.100V, 83.400V, 83.700V, 84.000V, 84.300V, 84.600V, 84.900V, 85.200V, 85.500V, 85.800V, 86.100V, 86.400V, 86.700V, 87.000V, 87.300V, 87.600V, 87.900V, 88.200V, 88.500V, 88.800V, 89.100V, 89.400V, 89.700V, 90.000V, 90.300V, 90.600V, 90.900V, 91.200V, 91.500V, 91.800V, 92.100V, 92.400V, 92.700V, 93.000V, 93.300V, 93.600V, 93.900V, 94.200V, 94.500V, 94.800V, 95.100V, 95.400V, 95.700V, 96.000V, 96.300V, 96.600V, 96.900V, 97.200V, 97.500V, 97.800V, 98.100V, 98.400V, 98.700V, 99.000V, 99.300V, 99.600V, 99.900V, 100.200V, 100.500V, 100.800V, 101.100V, 101.400V, 101.700V, 102.000V, 102.300V, 102.600V, 102.900V, 103.200V, 103.500V, 103.800V, 104.100V, 104.400V, 104.700V, 105.000V, 105.300V, 105.600V, 105.900V, 106.200V, 106.500V, 106.800V, 107.100V, 107.400V, 107.700V, 108.000V, 108.300V, 108.600V, 108.900V, 109.200V, 109.500V, 109.800V, 110.100V, 110.400V, 110.700V, 111.000V, 111.300V, 111.600V, 111.900V, 112.200V, 112.500V, 112.800V, 113.100V, 113.400V, 113.700V, 114.000V, 114.300V, 114.600V, 114.900V, 115.200V, 115.500V, 115.800V, 116.100V, 116.400V, 116.700V, 117.000V, 117.300V, 117.600V, 117.900V, 118.200V, 118.500V, 118.800V, 119.100V, 119.400V, 119.700V, 120.000V, 120.300V, 120.600V, 120.900V, 121.200V, 121.500V, 121.800V, 122.100V, 122.400V, 122.700V, 123.000V, 123.300V, 123.600V, 123.900V, 124.200V, 124.500V, 124.800V, 125.100V, 125.400V, 125.700V, 126.000V, 126.300V, 126.600V, 126.900V, 127.200V, 127.500V, 127.800V, 128.100V, 128.400V, 128.700V, 129.000V, 129.300V, 129.600V, 129.900V, 130.200V, 130.500V, 130.800V, 131.100V, 131.400V, 131.700V, 132.000V, 132.300V, 132.600V, 132.900V, 133.200V, 133.500V, 133.800V, 134.100V, 134.400V, 134.700V, 135.000V, 135.300V, 135.600V, 135.900V, 136.200V, 136.500V, 136.800V, 137.100V, 137.400V, 137.700V, 138.000V, 138.300V, 138.600V, 138.900V, 139.200V, 139.500V, 139.800V, 140.100V, 140.400V, 140.700V, 141.000V, 141.300V, 141.600V, 141.900V, 142.200V, 142.500V, 142.800V, 143.100V, 143.400V, 143.700V, 144.000V, 144.300V, 144.600V, 144.900V, 145.200V, 145.500V, 145.800V, 146.100V, 146.400V, 146.700V, 147.000V, 147.300V, 147.600V, 147.900V, 148.200V, 148.500V, 148.800V, 149.100V, 149.400V, 149.700V, 150.000V, 150.300V, 150.600V, 150.900V, 151.200V, 151.500V, 151.800V, 152.100V, 152.400V, 152.700V, 153.000V, 153.300V, 153.600V, 153.900V, 154.200V, 154.500V, 154.800V, 155.100V, 155.400V, 155.700V, 156.000V, 156.300V, 156.600V, 156.900V, 157.200V, 157.500V, 157.800V, 158.100V, 158.400V, 158.700V, 159.000V, 159.300V, 159.600V, 159.900V, 160.200V, 160.500V, 160.800V, 161.100V, 161.400V, 161.700V, 162.000V, 162.300V, 162.600V, 162.900V, 163.200V, 163.500V, 163.800V, 164.100V, 164.400V, 164.700V, 165.000V, 165.300V, 165.600V, 165.900V, 166.200V, 166.500V, 166.800V, 167.100V, 167.400V, 167.700V, 168.000V, 168.300V, 168.600V, 168.900V, 169.200V, 169.500V, 169.800V, 170.100V, 170.400V, 170.700V, 171.000V, 171.300V, 171.600V, 171.900V, 172.200V, 172.500V, 172.800V, 173.100V, 173.400V, 173.700V, 174.000V, 174.300V, 174.600V, 174.900V, 175.200V, 175.500V, 175.800V, 176.100V, 176.400V, 176.700V, 177.000V, 177.300V, 177.600V, 177.900V, 178.200V, 178.500V, 178.800V, 179.100V, 179.400V, 179.700V, 180.000V, 180.300V, 180.600V, 180.900V, 181.200V, 181.500V, 181.800V, 182.100V, 182.400V, 182.700V, 183.000V, 183.300V, 183.600V, 183.900V, 184.200V, 184.500V, 184.800V, 185.100V, 185.400V, 185.700V, 186.000V, 186.300V, 186.600V, 186.900V, 187.200V, 187.500V, 187.800V, 188.100V, 188.400V, 188.700V, 189.000V, 189.300V, 189.600V, 189.900V, 190.200V, 190.500V, 190.800V, 191.100V, 191.400V, 191.700V, 192.000V, 192.300V, 192.600V, 192.900V, 193.200V, 193.500V, 193.800V, 194.100V, 194.400V, 194.700V, 195.000V, 195.300V, 195.600V, 195.900V, 196.200V, 196.500V, 196.800V, 197.100V, 197.400V, 197.700V, 198.000V, 198.300V, 198.600V, 198.900V, 199.200V, 199.500V, 199.800V, 200.100V, 200.400V, 200.700V, 201.000V, 201.300V, 201.600V, 201.900V, 202.200V, 202.500V, 202.800V, 203.100V, 203.400V, 203.700V, 204.000V, 204.300V, 204.600V, 204.900V, 205.200V, 205.500V, 205.800V, 206.100V, 206.400V, 206.700V, 207.000V, 207.300V, 207.600V, 207.900V, 208.200V, 208.500V, 208.800V, 209.100V, 209.400V, 209.700V, 210.000V, 210.300V, 210.600V, 210.900V, 211.200V, 211.500V, 211.800V, 212.100V, 212.400V, 212.700V, 213.000V, 213.300V, 213.600V, 213.900V, 214.200V, 214.500V, 214.800V, 215.100V, 215.400V, 215.700V, 216.000V, 216.300V, 216.600V, 216.900V, 217.200V, 217.500V, 217.800V, 218.100V, 218.400V, 218.700V, 219.000V, 219.300V, 219.600V, 219.900V, 220.200V, 220.500V, 220.800V, 221.100V, 221.400V, 221.700V, 222.000V, 222.300V, 222.600V, 222.900V, 223.200V, 223.500V, 223.800V, 224.100V, 224.400V, 224.700V, 225.000V, 225.300V, 225.600V, 225.900V, 226.200V, 226.500V, 226.800V, 227.100V, 227.400V, 227.700V, 228.000V, 228.300V, 228.600V, 228.900V, 229.200V, 229.500V, 229.800V, 230.100V, 230.400V, 230.700V, 231.000V, 231.300V, 231.600V, 231.900V, 232.200V, 232.500V, 232.800V, 233.100V, 233.400V, 233.700V, 234.000V, 234.300V, 234.600V, 234.900V, 235.200V, 235.500V, 235.800V, 236.100V, 236.400V, 236.700V, 237.000V, 237.300V, 237.600V, 237.900V, 238.200V, 238.500V, 238.800V, 239.100V, 239.400V, 239.700V, 240.000V, 240.300V, 240.600V, 240.900V, 241.200V, 241.500V, 241.800V, 242.100V, 242.400V, 242.700V, 243.000V, 243.300V, 243.600V, 243.900V, 244.200V, 244.500V, 244.800V, 245.100V, 245.400V, 245.700V, 246.000V, 246.300V, 246.600V, 246.900V, 247.200V, 247.500V, 247.800V, 248.100V, 248.400V, 248.700V, 249.000V, 249.300V, 249.600V, 249.900V, 250.200V, 250.500V, 250.800V, 251.100V, 251.400V, 251.700V, 252.000V, 252.300V, 252.600V, 252.900V, 253.200V, 253.500V, 253.800V, 254.100V, 254.400V, 254.700V, 255.000V, 255.300V, 255.600V, 255.900V, 256.200V, 256.500V, 256.800V, 257.100V, 257.400V, 257.700V, 258.000V, 258.300V, 258.600V, 258.900V, 259.200V, 259.500V, 259.800V, 260.100V, 260.400V, 260.700V, 261.000V, 261.300V, 261.600V, 261.900V, 262.200V, 262.500V, 262.800V, 263.100V, 263.400V, 263.700V, 264.000V, 264.300V, 264.600V, 264.900V, 265.200V, 265.500V, 265.800V, 266.100V, 266.400V, 266.700V, 267.000V, 267.300V, 267.600V, 267.900V, 268.200V, 268.500V, 268.800V, 269.100V, 269.400V, 269.700V, 270.000V, 270.300V, 270.600V, 270.900V, 271.200V, 271.500V, 271.800V, 272.100V, 272.400V, 272.700V, 273.000V, 273.300V, 273.600V, 273.900V, 274.200V, 274.500V, 274.800V, 275.100V, 275.400V, 275.700V, 276.000V, 276.300V, 276.600V, 276.900V, 277.200V, 277.500V, 277.800V, 278.100V, 278.400V, 278.700V, 279.000V, 279.300V, 279.600V, 279.900V, 280.200V, 280.500V, 280.800V, 281.100V, 281.400V, 281.700V, 282.000V, 282.300V, 282.600V, 282.900V, 283.200V, 283.500V, 283.800V, 284.100V, 284.400V, 284.700V, 285.000V, 285.300V, 285.600V, 285.900V, 286.200V, 286.500V, 286.800V, 287.100V, 287.400V, 287.700V, 288.000V, 288.300V, 288.600V, 288.900V, 289.200V, 289.500V, 289.800V, 290.100V, 290.400V, 290.700V, 291.000V, 291.300V, 291.600V, 291.900V, 292.200V, 292.500V, 292.800V, 293.100V, 293.400V, 293.700V, 294.000V, 294.300V, 294.600V, 294.900V, 295.200V, 295.500V, 295.800V, 296.100V, 296.400V, 296.700V, 297.000V, 297.300V, 297.600V, 297.900V, 298.200V, 298.500V, 298.800V, 299.100V, 299.400V, 299.700V, 300.000V, 300.300V, 300.600V, 300.900V, 301.200V, 301.500V, 301.800V, 302.100V, 302.400V, 302.700V, 303.000V, 303.300V, 303.600V, 303.900V, 304.200V, 304.500V, 304.800V, 305.100V, 305.400V, 305.700V, 306.000V, 306.300V, 306.600V, 306.900V, 307.200V, 307.500V, 307.800V, 308.100V, 308.400V, 308.700V, 309.000V, 309.300V, 309.600V, 309.900V, 310.200V, 310.500V, 310.800V, 311.100V, 311.400V, 311.700V, 312.000V, 312.300V, 312.600V, 312.900V, 313.200V, 313.500V, 313.800V, 314.100V, 314.400V, 314.700V, 315.000V, 315.300V, 315.600V, 315.900V, 316.200V, 316.500V, 316.800V, 317.100V, 317.400V, 317.700V, 318.000V, 318.300V, 318.600V, 318.900V, 319.200V, 319.500V, 319.800V, 320.100V, 320.400V, 320.700V, 321.000V, 321.300V, 321.600V, 321.900V, 322.200V, 322.500V, 322.800V, 323.100V, 323.400V, 323.700V, 324.000V, 324.300V, 324.600V, 324.900V, 325.200V, 325.500V, 325.800V, 326.100V, 326.400V, 326.700V, 327.000V, 327.300V, 327.600V, 327.900V, 328.200V, 328.500V, 328.800V, 329.100V, 329.400V, 329.700V, 330.000V, 330.300V, 330.600V, 330.900V, 331.200V, 331.500V, 331.800V, 332.100V, 332.400V, 332.700V, 333.000V, 333.300V, 333.600V, 333.900V, 334.200V, 334.500V, 334.800V, 335.100V, 335.400V, 335.700V, 336.000V, 336.300V, 336.600V, 336.900V, 337.200V, 337.500V, 337.800V, 338.100V, 338.400V, 338.700V, 339.000V, 339.300V, 339.600V, 339.900V, 340.200V, 340.500V, 340.800V, 341.100V, 341.400V, 341.700V, 342.000V, 342.300V, 342.600V, 342.900V, 343.200V, 343.500V, 343.800V, 344.100V, 344.400V, 344.700V, 345.000V, 345.300V, 345.600V, 345.900V, 346.200V, 346.500V, 346.800V, 347.100V, 347.400V, 347.700V, 348.000V, 348.300V, 348.600V, 348.900V, 349.200V, 349.500V, 349.800V, 350.100V, 350.400V, 350.700V, 351.000V, 351.300V, 351.600V, 351.900V, 352.200V, 352.500V, 352.800V, 353.100V, 353.400V, 353.700V, 354.000V, 354.300V, 354.600V, 354.900V, 355.200V, 355.500V, 355.800V, 356.100V, 356.400V, 356.700V, 357.000V, 357.300V, 357.600V, 357.900V, 358.200V, 358.500V, 358.800V, 359.100V, 359.400V, 359.700V, 360.000V, 360.300V, 360.600V, 360.900V, 361.200V, 361.500V, 361.800V, 362.100V, 362.400V, 362.700V, 363.000V, 363.300V, 363.600V, 363.900V, 364.200V, 364.500V, 364.800V, 365.100V, 365.400V, 365.700V, 366.000V, 366.300V, 366.600V, 366.900V, 367.200V, 367.500V, 367.800V, 368.100V, 368.400V, 368.700V, 369.000V, 369.300V, 369.600V, 369.900V, 370.200V, 370.500V, 370.800V, 371.100V, 371.400V, 371.700V, 372.000V, 372.300V, 372.600V, 372.900V, 373.200V, 373.500V, 373.800V, 374.100V, 374.400V, 374.700V, 375.000V, 375.300V, 375.600V, 375.900V, 376.200V, 376.500V, 376.800V, 377.100V, 377.400V, 3



CÁP ĐIỆN KÉ THỦ (CÁP NHỎ) KAPRIN - TẬP TÍNH 10KV, 15KV, 20KV

1. KAPRIN 10KV, 15KV, 20KV - CÁP NHỎ KAPRIN - TẬP TÍNH 10KV, 15KV, 20KV

Tên chuẩn kỹ thuật: 1. KAPRIN 10KV, 15KV, 20KV - CÁP NHỎ KAPRIN

Màu sắc: Coloration



- 1. Màu đen: Black
- 2. Màu trắng: White
- 3. Màu xám: Grey
- 4. Màu vàng: Yellow
- 5. Màu đỏ: Red

Tên và thông số kỹ thuật cáp điện	Loại cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện
Tên và thông số kỹ thuật cáp điện	Loại cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện	Thông số kỹ thuật cáp điện
10KV	1	10KV	10	10KV	10	10KV	10
15KV	2	15KV	15	15KV	15	15KV	15
20KV	3	20KV	20	20KV	20	20KV	20
10KV	4	10KV	10	10KV	10	10KV	10
15KV	5	15KV	15	15KV	15	15KV	15
20KV	6	20KV	20	20KV	20	20KV	20
10KV	7	10KV	10	10KV	10	10KV	10
15KV	8	15KV	15	15KV	15	15KV	15
20KV	9	20KV	20	20KV	20	20KV	20
10KV	10	10KV	10	10KV	10	10KV	10
15KV	11	15KV	15	15KV	15	15KV	15
20KV	12	20KV	20	20KV	20	20KV	20
10KV	13	10KV	10	10KV	10	10KV	10
15KV	14	15KV	15	15KV	15	15KV	15
20KV	15	20KV	20	20KV	20	20KV	20
10KV	16	10KV	10	10KV	10	10KV	10
15KV	17	15KV	15	15KV	15	15KV	15
20KV	18	20KV	20	20KV	20	20KV	20
10KV	19	10KV	10	10KV	10	10KV	10
15KV	20	15KV	15	15KV	15	15KV	15
20KV	21	20KV	20	20KV	20	20KV	20
10KV	22	10KV	10	10KV	10	10KV	10
15KV	23	15KV	15	15KV	15	15KV	15
20KV	24	20KV	20	20KV	20	20KV	20
10KV	25	10KV	10	10KV	10	10KV	10

Tên và thông số kỹ thuật cáp điện: Tên và thông số kỹ thuật cáp điện

1. KAPRIN 10KV, 15KV, 20KV - CÁP NHỎ KAPRIN - TẬP TÍNH 10KV, 15KV, 20KV



© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

[illegible]



These results are shown in *Applied Statistics* 50 (2001) 681–690.

© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd



1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 2680, 26



[Download the report](#) | [Contact us](#) | [About us](#) | [Privacy policy](#)

Year or Half when the record was set	Single Day High (inches)	Single Day Low (inches)	Single Day High (inches)	Single Day Low (inches)	Single Day High (inches)	Single Day Low (inches)	Single Day High (inches)	Single Day Low (inches)
1997		1997	1997	1997	1997	1997	1997	1997
1998	1	1998	1998	1998	1998	1998	1998	1998
1999	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2000	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2001	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2002	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2003	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2004	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2005	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2006	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2007	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2008	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2009	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2010	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2011	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2012	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2013	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2014	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2015	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2016	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2017	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2018	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2019	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2020	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2021	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2022	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2023	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2024	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2025	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2026	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2027	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2028	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2029	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2030	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2031	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2032	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2033	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2034	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2035	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2036	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2037	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2038	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2039	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2040	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2041	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2042	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2043	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2044	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2045	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2046	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2047	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2048	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2049	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2050	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2051	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2052	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2053	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2054	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2055	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2056	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2057	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2058	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2059	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2060	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2061	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2062	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2063	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2064	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2065	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2066	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2067	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2068	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2069	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2070	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2071	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2072	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2073	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2074	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2075	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2076	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2077	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2078	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2079	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2080	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2081	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2082	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2083	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2084	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2085	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2086	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2087	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2088	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2089	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2090	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2091	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2092	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2093	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2094	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2095	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2096	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2097	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2098	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2099	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999
2100	1	1999	1999	1999	1999	1999	1999	1999



© 2006 The Authors
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

1. The first step is to identify the problem or question that needs to be answered. This involves understanding the context and the specific requirements of the task.

[illegible]



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 105–112

- Address:** _____
Company Name: _____
City: _____
E-mail Address: _____
Phone No. (Country Code) _____
Fax No. _____

[illegible]



© 2004 Blackwell Publishing Ltd, *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110



Chỗ cắt uốn cong của dây cáp nhôm - đồng hợp kim Y

HS/CE/Y cables insulated single core cables (bending cable) - Cu/Al

Marking-cable type: HS/CE/Y-100-1000

Thông số kỹ thuật



Thông số của dây cáp HS/CE/Y

Thông số của dây cáp HS/CE/Y

Loại	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y		Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y
Loại	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y
(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
HS/CE/Y	10	100	100	10	10	100	100
HS/CE/Y	15	150	150	15	15	150	150
HS/CE/Y	20	200	200	20	20	200	200
HS/CE/Y	25	250	250	25	25	250	250
HS/CE/Y	30	300	300	30	30	300	300
HS/CE/Y	35	350	350	35	35	350	350
HS/CE/Y	40	400	400	40	40	400	400
HS/CE/Y	45	450	450	45	45	450	450
HS/CE/Y	50	500	500	50	50	500	500
HS/CE/Y	55	550	550	55	55	550	550
HS/CE/Y	60	600	600	60	60	600	600
HS/CE/Y	65	650	650	65	65	650	650
HS/CE/Y	70	700	700	70	70	700	700
HS/CE/Y	75	750	750	75	75	750	750
HS/CE/Y	80	800	800	80	80	800	800
HS/CE/Y	85	850	850	85	85	850	850
HS/CE/Y	90	900	900	90	90	900	900
HS/CE/Y	95	950	950	95	95	950	950

Chỗ cắt uốn cong của dây cáp nhôm - đồng hợp kim Y

HS/CE/Y cables insulated single core cables (bending cable) - Cu/Al

Marking-cable type: HS/CE/Y-100-1000

Loại	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y		Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y
Loại	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y	Thông số của dây cáp HS/CE/Y
(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
HS/CE/Y	10	100	100	10	10	100	100
HS/CE/Y	15	150	150	15	15	150	150
HS/CE/Y	20	200	200	20	20	200	200
HS/CE/Y	25	250	250	25	25	250	250
HS/CE/Y	30	300	300	30	30	300	300
HS/CE/Y	35	350	350	35	35	350	350
HS/CE/Y	40	400	400	40	40	400	400
HS/CE/Y	45	450	450	45	45	450	450
HS/CE/Y	50	500	500	50	50	500	500
HS/CE/Y	55	550	550	55	55	550	550
HS/CE/Y	60	600	600	60	60	600	600
HS/CE/Y	65	650	650	65	65	650	650
HS/CE/Y	70	700	700	70	70	700	700
HS/CE/Y	75	750	750	75	75	750	750
HS/CE/Y	80	800	800	80	80	800	800
HS/CE/Y	85	850	850	85	85	850	850
HS/CE/Y	90	900	900	90	90	900	900
HS/CE/Y	95	950	950	95	95	950	950
HS/CE/Y	100	1000	1000	100	100	1000	1000

Thông số của dây cáp HS/CE/Y được liệt kê trong bảng này chỉ mang tính chất tham khảo.

Thông số của dây cáp HS/CE/Y được liệt kê trong bảng này chỉ mang tính chất tham khảo.

Thông số của dây cáp HS/CE/Y được liệt kê trong bảng này chỉ mang tính chất tham khảo.

Thông số của dây cáp HS/CE/Y được liệt kê trong bảng này chỉ mang tính chất tham khảo.



LÀM VIỆC 2.4 CÔNG NGHỆ SẠCH - TÍNH AN TOÀN

Working safely and responsibly, free contamination - Safety/HR

Thực hành an toàn / working responsibly: 80-8000-8-0000

Thiết bị, Công cụ



1. Lốp xe ô tô, xe máy
2. Lốp xe tải, xe khách
3. Lốp xe đạp
4. Lốp xe máy cày
5. Lốp xe máy kéo

1. Lốp xe ô tô, xe máy
2. Lốp xe tải, xe khách
3. Lốp xe đạp
4. Lốp xe máy cày
5. Lốp xe máy kéo

Product Information		Product Details				Product Features		Product Benefits		Product Specifications		Product Performance	
Product ID	Product Name	Product Category		Product Subcategory		Product Features		Product Benefits		Product Specifications		Product Performance	
		Product Type	Product Variant	Product Feature 1	Product Feature 2	Product Benefit 1	Product Benefit 2	Product Spec 1	Product Spec 2	Product Perf 1	Product Perf 2		
PROD-001	Product A	Category 1	Variant 1	Feature 1	Feature 2	Benefit 1	Benefit 2	Spec 1	Spec 2	Perf 1	Perf 2	Perf 3	Perf 4
PROD-002	Product B	Category 2	Variant 2	Feature 3	Feature 4	Benefit 3	Benefit 4	Spec 3	Spec 4	Perf 3	Perf 4	Perf 5	Perf 6
PROD-003	Product C	Category 3	Variant 3	Feature 5	Feature 6	Benefit 5	Benefit 6	Spec 5	Spec 6	Perf 5	Perf 6	Perf 7	Perf 8
PROD-004	Product D	Category 4	Variant 4	Feature 7	Feature 8	Benefit 7	Benefit 8	Spec 7	Spec 8	Perf 7	Perf 8	Perf 9	Perf 10
PROD-005	Product E	Category 5	Variant 5	Feature 9	Feature 10	Benefit 9	Benefit 10	Spec 9	Spec 10	Perf 9	Perf 10	Perf 11	Perf 12
PROD-006	Product F	Category 6	Variant 6	Feature 11	Feature 12	Benefit 11	Benefit 12	Spec 11	Spec 12	Perf 11	Perf 12	Perf 13	Perf 14
PROD-007	Product G	Category 7	Variant 7	Feature 13	Feature 14	Benefit 13	Benefit 14	Spec 13	Spec 14	Perf 13	Perf 14	Perf 15	Perf 16
PROD-008	Product H	Category 8	Variant 8	Feature 15	Feature 16	Benefit 15	Benefit 16	Spec 15	Spec 16	Perf 15	Perf 16	Perf 17	Perf 18
PROD-009	Product I	Category 9	Variant 9	Feature 17	Feature 18	Benefit 17	Benefit 18	Spec 17	Spec 18	Perf 17	Perf 18	Perf 19	Perf 20
PROD-010	Product J	Category 10	Variant 10	Feature 19	Feature 20	Benefit 19	Benefit 20	Spec 19	Spec 20	Perf 19	Perf 20	Perf 21	Perf 22
PROD-011	Product K	Category 11	Variant 11	Feature 21	Feature 22	Benefit 21	Benefit 22	Spec 21	Spec 22	Perf 21	Perf 22	Perf 23	Perf 24
PROD-012	Product L	Category 12	Variant 12	Feature 23	Feature 24	Benefit 23	Benefit 24	Spec 23	Spec 24	Perf 23	Perf 24	Perf 25	Perf 26
PROD-013	Product M	Category 13	Variant 13	Feature 25	Feature 26	Benefit 25	Benefit 26	Spec 25	Spec 26	Perf 25	Perf 26	Perf 27	Perf 28
PROD-014	Product N	Category 14	Variant 14	Feature 27	Feature 28	Benefit 27	Benefit 28	Spec 27	Spec 28	Perf 27	Perf 28	Perf 29	Perf 30
PROD-015	Product O	Category 15	Variant 15	Feature 29	Feature 30	Benefit 29	Benefit 30	Spec 29	Spec 30	Perf 29	Perf 30	Perf 31	Perf 32
PROD-016	Product P	Category 16	Variant 16	Feature 31	Feature 32	Benefit 31	Benefit 32	Spec 31	Spec 32	Perf 31	Perf 32	Perf 33	Perf 34
PROD-017	Product Q	Category 17	Variant 17	Feature 33	Feature 34	Benefit 33	Benefit 34	Spec 33	Spec 34	Perf 33	Perf 34	Perf 35	Perf 36
PROD-018	Product R	Category 18	Variant 18	Feature 35	Feature 36	Benefit 35	Benefit 36	Spec 35	Spec 36	Perf 35	Perf 36	Perf 37	Perf 38
PROD-019	Product S	Category 19	Variant 19	Feature 37	Feature 38	Benefit 37	Benefit 38	Spec 37	Spec 38	Perf 37	Perf 38	Perf 39	Perf 40
PROD-020	Product T	Category 20	Variant 20	Feature 39	Feature 40	Benefit 39	Benefit 40	Spec 39	Spec 40	Perf 39	Perf 40	Perf 41	Perf 42

0000: Sản phẩm không có mã phân loại hoặc không có mã phân loại theo các tiêu chuẩn quốc tế.

0001: Sản phẩm không có mã phân loại hoặc không có mã phân loại theo các tiêu chuẩn quốc tế.

0002: Sản phẩm không có mã phân loại hoặc không có mã phân loại theo các tiêu chuẩn quốc tế.

0003: Sản phẩm không có mã phân loại hoặc không có mã phân loại theo các tiêu chuẩn quốc tế.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Cáp điện 0,6/1kV

Bảng 1: Thông số kỹ thuật cáp điện (cáp điện) - 0,6/1kV ở

Cable is designed for the following operating conditions

Size (cross-section)	Cable weight (kg/m)				Cable length (m)			
	Cable weight				Cable length			
	Weight	Weight	Weight	Weight	Weight	Weight	Weight	Weight
10	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
15	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
20	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
25	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
30	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
35	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
40	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
45	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
50	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
55	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
60	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
65	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
70	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
75	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
80	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
85	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
90	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
95	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
100	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
105	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
110	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
115	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
120	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
125	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
130	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
135	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
140	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
145	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
150	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
155	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
160	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
165	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
170	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
175	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
180	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
185	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
190	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
195	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1
200	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1	1.1

Weight (kg/m) - weight (kg/m) : 100

Weight (kg/m) - weight (kg/m) : 100

Weight (kg/m) - weight (kg/m) : 100

Weight (kg/m) - weight (kg/m) : 100

Bảng 2: Thông số kỹ thuật cáp điện (cáp điện) - 0,6/1kV ở

Cable is designed for the following operating conditions

Size (cross-section)	Cable weight (kg/m)		
	Cable weight		
	Weight	Weight	Weight
10	1.1	1.1	1.1
15	1.1	1.1	1.1
20	1.1	1.1	1.1
25	1.1	1.1	1.1
30	1.1	1.1	1.1
35	1.1	1.1	1.1
40	1.1	1.1	1.1
45	1.1	1.1	1.1
50	1.1	1.1	1.1
55	1.1	1.1	1.1
60	1.1	1.1	1.1
65	1.1	1.1	1.1
70	1.1	1.1	1.1
75	1.1	1.1	1.1
80	1.1	1.1	1.1
85	1.1	1.1	1.1
90	1.1	1.1	1.1
95	1.1	1.1	1.1
100	1.1	1.1	1.1
105	1.1	1.1	1.1
110	1.1	1.1	1.1
115	1.1	1.1	1.1
120	1.1	1.1	1.1
125	1.1	1.1	1.1
130	1.1	1.1	1.1
135	1.1	1.1	1.1
140	1.1	1.1	1.1
145	1.1	1.1	1.1
150	1.1	1.1	1.1
155	1.1	1.1	1.1
160	1.1	1.1	1.1
165	1.1	1.1	1.1
170	1.1	1.1	1.1
175	1.1	1.1	1.1
180	1.1	1.1	1.1
185	1.1	1.1	1.1
190	1.1	1.1	1.1
195	1.1	1.1	1.1
200	1.1	1.1	1.1

Weight (kg/m) - weight (kg/m)	100
Weight (kg/m) - weight (kg/m)	100



Bảng 3 - Đồng nghĩa với mức cân đối nước, nhiên liệu - dầu khí
Table 3 - Same with water balance, fuel - oil/gas

Mã tài sản (Asset code)	Hệ thống lọc dầu (Refinery)					Hệ thống khí (Gas system)		
	Hệ thống lọc dầu (Refinery)			Hệ thống lọc dầu (Refinery)		Hệ thống khí (Gas system)		
	Đầu vào (Input)	Đầu ra (Output)	Đầu ra (Output)	Đầu ra (Output)	Đầu ra (Output)	Đầu vào (Input)	Đầu ra (Output)	Đầu ra (Output)
10	1	1	1	10	10	1	10	10
20	1	1	1	20	20	1	20	20
30	1	1	1	30	30	1	30	30
40	1	1	1	40	40	1	40	40
50	1	1	1	50	50	1	50	50
60	100	100	100	60	60	100	100	100
70	100	100	100	70	70	100	100	100
80	100	100	100	80	80	100	100	100
90	100	100	100	90	90	100	100	100
100	100	100	100	100	100	100	100	100
110	100	100	100	110	110	100	100	100
120	100	100	100	120	120	100	100	100
130	100	100	100	130	100	100	100	100
140	100	100	100	140	100	100	100	100
150	100	100	100	150	100	100	100	100
160	100	100	100	160	100	100	100	100
170	100	100	100	170	100	100	100	100
180	100	100	100	180	100	100	100	100
190	100	100	100	190	100	100	100	100
200	100	100	100	200	100	100	100	100
210	100	100	100	210	100	100	100	100
220	100	100	100	220	100	100	100	100
230	100	100	100	230	100	100	100	100
240	100	100	100	240	100	100	100	100
250	100	100	100	250	100	100	100	100
260	100	100	100	260	100	100	100	100
270	100	100	100	270	100	100	100	100
280	100	100	100	280	100	100	100	100
290	100	100	100	290	100	100	100	100
300	100	100	100	300	100	100	100	100

Đơn vị tính toán (Unit of calculation)	Đơn vị tính toán (Unit of calculation)	Đơn vị tính toán (Unit of calculation)	Đơn vị tính toán (Unit of calculation)	Đơn vị tính toán (Unit of calculation)
(kg)	(kg)	(kg)	(kg)	(kg)

Bảng 4 - Đồng nghĩa với mức cân đối nước
Table 4 - Same with water balance

Mã tài sản (Asset code)	Hệ thống lọc dầu (Refinery)				Hệ thống khí (Gas system)	
	Hệ thống lọc dầu (Refinery)		Hệ thống lọc dầu (Refinery)		Đầu vào (Input)	Đầu ra (Output)
	Đầu vào (Input)	Đầu ra (Output)	Đầu vào (Input)	Đầu ra (Output)		
10	1	1	1	1	1	1
20	1	1	1	1	1	1
30	1	1	1	1	1	1



INSTRUCTIONS FOR DRUM WINDING

Working Safely with Drums



DO NOT WIND CABLE ON THE DRUM



DO NOT WIND CABLE ON THE DRUM



DO NOT LIFT DRUMS WITH FORK LIFTS



DO NOT LOAD DRUMS ON THE TRUCK



DO NOT LOAD DRUMS ON THE TRUCK



DO NOT LOAD DRUMS ON THE TRUCK

INSTRUCTIONS FOR CABLE PULLING

Working Safely with Cables



DO NOT PULL CABLES WITH YOUR HANDS OR FEET. ALWAYS USE THE CABLE PULLING DEVICE. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES.



DO NOT PULL CABLES WITH YOUR HANDS OR FEET. ALWAYS USE THE CABLE PULLING DEVICE. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES.



DO NOT PULL CABLES WITH YOUR HANDS OR FEET. ALWAYS USE THE CABLE PULLING DEVICE. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES. THE CABLE PULLING DEVICE MUST BE USED TO PULL CABLES.



VAN XUAN

WIRE AND CABLE

Hanoi Office

Lot 8a, Kim Chung, Hanoi City, Hanoi, Vietnam
Tel : +84-24-36611128

Hanoi Office

478-Long Chanh, Ho Thinh, Hanoi, Vietnam
Tel : +84-24-38828188

Hanoi Office

29-29B Bac Son, Cam Tay, Ho Thinh, Vietnam
Tel : +84-24-73681944

Overseas Offices

HO-Hanoi / Vietnam-Asia / Tel : +84-902-901754
E-mail : vanxuan@vannxuanable.com.vn

www.vannxuanable.com.vn